

SYSBEL® **SYSBEL IS SAFETY** 安全·源自西斯贝尔



SYSBEL[®]

CÓ SYSBEL LÀ CÓ AN TOÀN!

SYSBEL là một công ty luôn tập trung vào lĩnh vực bảo vệ môi trường và an toàn và sức khỏe nhân công. SYSBEL cống hiến tất cả để nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm hàng đầu thế giới trong lĩnh vực Hệ thống đưng an toàn (CSC), Phòng chống, ngăn chặn & Kiểm soát tràn đổ (SPCC) và Hệ thống An toàn Phòng thí nghiệm (LSS).

Giá trị cốt lõi của SYSBEL: CÓ SYSBEL LÀ CÓ AN TOÀN.

Các sản phẩm mang thương hiệu SYSBEL[®] được sản xuất tại “Shanghai SYSBEL Industry & Technology Co., Ltd” (Cty TNHH Công nghiệp Công nghệ SYSBEL Thượng Hải) tuân thủ nghiêm ngặt với các tiêu chuẩn liên quan, như OSHA 29 FER 1910. 106 của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ, NFPA CODE30 của Hiệp hội Phòng chống Cháy nổ Hoa Kỳ. SYSBEL vô cùng coi trọng vấn đề quản lý chất lượng sản phẩm. Sau quá trình kiểm nghiệm sản phẩm ngặt nghèo, sản phẩm của SYSBEL đã đạt được chứng nhận CE của EU, chứng nhận của FM Approval và nhiều chứng nhận chất lượng uy tín khác. SYSBEL, dựa trên những giải pháp tiên tiến của mình, vẫn luôn luôn duy trì vị trí dẫn đầu trong ngành và cung cấp các sản phẩm dịch vụ chất lượng cho giới doanh nghiệp để bảo đảm an toàn nghề nghiệp, giảm thiểu rủi ro cháy nổ và nâng cao năng suất.



HÃY LỰA CHỌN SYSBEL

Vì bạn xứng đáng có nhiều hơn và tốt hơn ...

- Môi trường làm việc an toàn hơn
- Bảo hộ lao động hoàn hảo hơn
- Điều kiện lao động lành mạnh và hiệu quả hơn
- Phòng tránh, giảm thiểu các nguy cơ về an toàn, mất mát và giảm thiểu chi phí điều trị
- Hơn 100 sản phẩm được khuyên dùng bởi rất nhiều khách hàng
- Bảo hành chất lượng 10 năm



Hệ thống chứa an toàn SCS	Trang	
WA810040	Tủ đựng chất dễ cháy(4 Gal)	7
WA810100	Tủ đựng chất dễ cháy(10 Gal)	7
WA810120	Tủ đựng chất dễ cháy(12 Gal)	7
WA810220	Tủ đựng chất dễ cháy(22 Gal)	7
WA810300	Tủ đựng chất dễ cháy(30 Gal)	7
WA810450	Tủ đựng chất dễ cháy(45 Gal)	7
WA810540	Tủ đựng chất dễ cháy(54 Gal)	7
WA810550	Tủ đựng chất dễ cháy(55 Gal / Oily Drum)	7
WA810600	Tủ đựng chất dễ cháy(60 Gal)	7
WA810860	Tủ đựng chất dễ cháy(90 Gal)	7
WA811100	Tủ đựng chất dễ cháy(110 Gal Oily Drum)	7
WA810115	Tủ đựng chất dễ cháy(115 Gal Oily Drum)	7
WA810040R	Tủ đựng chất cháy được(4 Gal)	8
WA810120R	Tủ đựng chất cháy được(12 Gal)	8
WA810300R	Tủ đựng chất cháy được(30 Gal)	8
WA810450R	Tủ đựng chất cháy được(45 Gal)	8
WA810600R	Tủ đựng chất cháy được(60 Gal)	8
WA810860R	Tủ đựng chất cháy được(90 Gal)	8
WA810040B	Tủ đựng chất ăn mòn (4 Gal)	8
WA810120B	Tủ đựng chất ăn mòn (12 Gal)	8
WA810220B	Tủ đựng chất ăn mòn (22 Gal)	8
WA810300B	Tủ đựng chất ăn mòn (30 Gal)	8
WA810450B	Tủ đựng chất ăn mòn (45 Gal)	8
WA810600B	Tủ đựng chất ăn mòn (60 Gal)	8
WA810860B	Tủ đựng chất ăn mòn (90 Gal)	8
WA810120G	Tủ đựng thuốc trừ dịch hại (12 Gal)	9
WA810300G	Tủ đựng thuốc trừ dịch hại (30 Gal)	9
WA810450G	Tủ đựng thuốc trừ dịch hại (45 Gal)	9
WA810120W	Tủ đựng chất độc (12 Gal)	9
WA810450W	Tủ đựng chất độc (45 Gal)	9
WA810190	Tủ đựng chất dễ cháy gầm bàn	10
WA710204	Lồng đựng bình ga	10
WA710208	Lồng đựng bình ga	10
WA710216	Lồng đựng bình ga	10
WA710309	Lồng đựng bình ga	10
WA710318	Lồng đựng bình ga	10
WA710589	Lồng đựng bình ga	10
WA710102	Tủ đựng bình ga	11
WA710103	Tủ đựng bình ga	11
WA720102	Tủ đựng bình ga	11
WA720103	Tủ đựng bình ga	11
WA910450	Tủ trang thiết bị tình huống khẩn cấp (tủ PPE)	12
ACP810004	Tủ đựng chất có tính ăn mòn	12
ACP810012	Tủ đựng chất có tính ăn mòn	12
ACP810030	Tủ đựng chất có tính ăn mòn	12
ACP810048	Tủ đựng chất có tính ăn mòn	12
ACP810048T	Tủ đựng chất có tính ăn mòn	12
ACP80001	Tủ đựng chất ăn mòn Polyethylene (4Gal/Đề bàn)	13
ACP80002	Tủ đựng chất ăn mòn Polyethylene (22Gal/Gầm bàn)	13
ACPL001	Ngăn tủ nhựa poly (ACP80001)	13
ACPL002	Ngăn tủ nhựa poly (ACP80002)	13
WAL040	Ngăn tủ (4 Gal)	14
WAL012	Ngăn tủ (12 Gal)	14
WAL022	Ngăn tủ (22 Gal)	14
WAL03045	Ngăn tủ (30&45 Gal)	14
WAL060	Ngăn tủ (60 Gal)	14
WAL090	Ngăn tủ (90 Gal)	14
WAL115L	Ngăn tủ (115 Gal)	14
WADR001	Con lăn tủ(Đôi với Tủ đựng an toàn 55/110/115G)	14
WAR001	Độc dây thùng (Đôi với Tủ đựng an toàn 55/110/115G)	14
WA001	Nồi đất chống tĩnh điện	14
WA002	Thiết bị chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn FM	14
WAB001	Hộp hồ sơ MSDS	14
WAT004	Khay nhựa PE	14
WAT01222	Khay nhựa PE	14
WAT03045	Khay nhựa PE	14
WAT060	Khay nhựa PE	14
WA8109100	Thùng đựng rác thải dính dầu (6 Gal)	15
WA8109300	Thùng đựng rác thải dính dầu (10 Gal)	15
WA8109500	Thùng đựng rác thải dính dầu (14 Gal)	15
WA8109700	Thùng đựng rác thải dính dầu (21 Gal)	15
CBR8101	Thùng đựng dầu lọc thuốc lá (đỏ)	15
CBR8102	Thùng đựng dầu lọc thuốc lá (xám)	15
SCAN001R	Can An toàn kim loại Loại I 2.5 Gal (đỏ)	16
SCAN002R	Can An toàn kim loại Loại I 5 Gal (đỏ)	16
SCAN001Y	Can An toàn kim loại Loại I 2.5 Gal (vàng)	16

SPCC Phòng chống, ngăn chặn & Kiểm soát tràn đổ	Trang	
SPP102	Pallet nhựa poly chống tràn (2 thùng)	19
SPP102 H	Pallet nhựa poly chống tràn (2 thùng)	19
SPP104	Pallet nhựa poly chống tràn(4 thùng)	19
SPP401	Sàn nhựa poly chống tràn(1 thùng)	19
SPP101	Sàn nhựa poly chống tràn(2 thùng)	19
SPP103	Sàn nhựa poly chống tràn(4 thùng)	19
SPM202	Pallet thép chống tràn (2 thùng)	20
SPM204	Pallet thép chống tràn (4 thùng)	20
SPM222	Pallet thép chống tràn lưu động (có xe đẩy)	20
SPM112	Pallet thép chống tràn cho IBC	20
SPP001	Độc Pallet nhựa poly chống tràn (Cho SPP102&SPP104)	19
SPP012	Độc của sàn nhựa poly chống tràn (Cho SPP101 & SPP103)	19
SPP013	Xe đẩy của sàn nhựa poly chống tràn cho 2 thùng (Cho SPP101)	19
SPM002	Pallet thép chống tràn cho IBC	19
OP0001W	Tấm thấm dầu	23
CP0001Y	Tấm thấm vật liệu nguy hại	23
UP0001G	Tấm thấm đa dụng	23
OP0002W	Tấm thấm dầu	23
CP0002Y	Tấm thấm vật liệu nguy hại	23
UP0002G	Tấm thấm đa dụng	23
OM0001W	Phao thấm dầu	23
CM0001Y	Phao thấm vật liệu nguy hại	23
UM0001G	Phao thấm đa dụng	23
OS0001W	Gối thấm dầu	23
CS0001Y	Gối thấm vật liệu nguy hại	23
US0001G	Gối thấm đa dụng	23
OB0001W	Cuộn thấm dầu	23
CB0001Y	Cuộn thấm vật liệu nguy hại	23
UB0001G	Cuộn thấm đa dụng	23
DOP001	Cuộn thấm dầu	23
DCP001	Cuộn thấm vật liệu nguy hại	23
DUP001	Cuộn thấm đa dụng	23
SOP001	Tấm thấm dầu 1 mặt nhựa	23
SCP001	Tấm thấm vật liệu nguy hại 1 mặt nhựa	23
SUP001	Tấm thấm đa dụng 1 mặt nhựa	23
SOR001	Phao khuấy thấm dầu	23
SCR001	Phao khuấy thấm vật liệu nguy hại	23
SUR001	Phao khuấy thấm đa dụng	23
SOR002	Thảm đặt nắp thùng dầu	23
SCR002	Thảm đặt nắp thùng vật liệu nguy hại	23
SUR002	Thảm đặt nắp thùng đa dụng	23
SYD950	Thùng chứa rác thải nguy hại (95Gal)	24
SYD200	Thùng chứa rác thải nguy hại (20Gal)	24
SYD001	Xe đẩy thép cho thùng chứa rác thải nguy hại	24
SYK952	Bộ xử lý tràn với thùng 95 Gal (Chuyên dụng cho dầu)	24
SYK951	Bộ xử lý tràn với thùng 95 Gal (Chuyên dụng cho hóa chất)	24
SYK950	Bộ xử lý tràn với thùng 95 Gal (Đa dụng)	24
SYD650	Thùng chứa rác thải nguy hại nhựa 65-gallon có bánh xe	25
SYK652	Thùng chứa rác thải nguy hại nhựa 65-gallon có bánh xe(Chuyên dụng cho dầu)	25
SYK651	Thùng chứa rác thải nguy hại nhựa 65-gallon có bánh xe(Chuyên dụng cho hóa chất)	25
SYK650	Thùng chứa rác thải nguy hại nhựa 65-gallon có bánh xe(Đa dụng)	25
SKIT002W	Bộ xử lý tràn đổ đi động(Chuyên dụng cho dầu)	26
SKIT002Y	Bộ xử lý tràn đổ đi động(Chuyên dụng cho hóa chất)	26
SKIT002G	Bộ xử lý tràn đổ đi động(Đa dụng)	26
SYK201	Bộ xử lý tràn với thùng 20 Gal(Chuyên dụng cho dầu)	26
SYK202	Bộ xử lý tràn với thùng 20 Gal(Chuyên dụng cho hóa chất)	26
SYK200	Bộ xử lý tràn với thùng 20 Gal(Đa dụng)	26
SKIT001W	Bộ xử lý tràn xách tay(Chuyên dụng cho dầu)	26
SKIT001Y	Bộ xử lý tràn xách tay(Chuyên dụng cho hóa chất)	26
SKIT001G	Bộ xử lý tràn xách tay(Đa dụng)	26
SKS001W	Thay thế dụng cụ cho các bộ xử lý tràn đổ(Chuyên dụng cho dầu)	26
SKS001Y	Thay thế dụng cụ cho các bộ xử lý tràn đổ(Chuyên dụng cho hóa chất)	26
SKS001G	Thay thế dụng cụ cho các bộ xử lý tràn đổ(Đa dụng)	26
LSS Hệ thống an toàn phòng thí nghiệm	Trang	
SPL001	Pallet chống tràn đổ cho phòng thí nghiệm	29
WA8109200	Thùng rác thải sinh học nguy hại 6Gal	29
WA8109600	Thùng rác thải sinh học nguy hại 14Gal	29
WG6000A	Bồn rửa mắt loại A	32
WG6000B	Bồn rửa mắt loại B	32
WG6000AC	Bồn rửa mắt loại A có xe đẩy	32
WG6000BC	Bồn rửa mắt loại A có xe đẩy	32
WG004	Xe đẩy bồn rửa mắt xách tay	32
WG005	Bồn rửa mắt lưu động	32
WG6000AD	Bồn rửa mắt lưu động có xe đẩy chất thải (Loại A)	32
WG6000BD	Bồn rửa mắt lưu động có xe đẩy chất thải (Loại B)	32
WG7011R	Vòi phun toàn thân	33
WG7012R	Vòi phun toàn thân	33
WG7023	Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn tường (Thép không gỉ 304)	33
WG7023Y	Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn tường (Nhựa AES)	33
WG7033F	Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn trụ (Thép không gỉ 304)	33
WG7033FY	Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn trụ (Nhựa AES)	33
WG7053F	Bộ rửa kết hợp(Thép không gỉ 304)	34
WG7053FY	Bộ rửa kết hợp(Nhựa AES)	34
WG7054RP	Vòi sen tắm và bồn rửa mặt khăn cấp	34
WG7054RS	Vòi sen tắm và bồn rửa mặt khăn cấp	34
WG7054ER	Vòi sen tắm khăn cấp sử dụng cấp đun nước	35
WG7054H	Buồng tắm khăn cấp	35

Mục lục

Hệ thống chứa an toàn SCS

Tủ chứa an toàn	1
Tủ chứa chất dễ cháy	7
Tủ chứa chất cháy được	8
Tủ chứa thuốc trừ dịch hại	8
Tủ chứa g chất độc	9
Tủ chứa chất dễ cháy gầm bàn	9
Lồng chứa bình ga	10
Tủ chứa bình ga	10
Tủ trang thiết bị tình huống khẩn cấp (tủ PPE)	11
Tủ chứa chất có tính ăn mòn	12
Tủ chứa chất ăn mòn Polyethylene	12
Phụ tùng tủ đựng an toàn	14
Vật chứa an toàn	15
Thùng đựng rác thải dính dầu	15
Thùng đựng đầu lọc thuốc lá	15
Can an toàn	16

Phòng chống, ngăn chặn & Kiểm soát tràn đổ SPCC

Phòng chống, ngăn chặn & Kiểm soát tràn đổ	17
Pallet nhựa poly chống tràn	19
Sàn nhựa poly chống tràn	19
Pallet thép chống tràn	19
Phụ kiện kiểm soát tràn đổ	20
Xử lý trường hợp khẩn cấp tràn đổ	23
Thùng chứa rác thải nguy hại	24
Bộ xử lý tràn	24

Hệ thống An toàn Phòng thí nghiệm LSC

Giải pháp tổng thể cho Quản lý khủng hoảng	28
Pallet chống tràn đổ cho phòng thí nghiệm	29
Thùng rác thải sinh học nguy hại	29
Bồn rửa mắt/rửa mặt	30
Bồn rửa mắt xách tay	32
Bồn rửa mắt lưu động	32
Vòi phun toàn thân	33
Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn tường	33
Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn trụ	33
Bộ rửa kết hợp	34
Vòi sen tắm và bồn rửa mắt khẩn cấp	34
Vòi sen tắm khẩn cấp sử dụng cấp đun nước	35
Buồng tắm khẩn cấp	35

Phụ chương

<i>Danh sách Phụ tùng Sysbel</i>	36
<i>Bảng Kích thước tủ đựng an toàn</i>	37
<i>Hướng dẫn lựa chọn vật liệu thấm hút</i>	38
<i>Hướng dẫn sử dụng cho Sản phẩm polyethylene</i>	39
<i>Tóm tắt quy định</i>	42



SYSBEL® - Tủ chứa an toàn cho Hóa chất lỏng dễ cháy đạt tiêu chuẩn FM



Chứng nhận FM



Chứng nhận CE



OSHA & NFPA

SYSBEL đã đạt Giấy chứng nhận về nhiều các hạn mục năng lực khác nhau cho các tủ chứa an toàn thép được cấp bởi FM Approvals! Độ an toàn bảo quản đã được ghi nhận.

Một trong các Nguyên nhân gây cháy chủ yếu là do khâu bảo quản và xử lý hóa chất dễ cháy không được đảm bảo. Đám cháy sẽ cướp đi tất cả những gì bạn có một cách thật tàn nhẫn và gây ra những tổn thất vô cùng lớn đối với tài sản doanh nghiệp, cũng như gây ra hiểm họa về an toàn đối với đội ngũ công nhân, và cả các thiệt hại đắt đỏ khác như trách nhiệm xã hội, thời gian,

Tủ chứa an toàn thép thương hiệu SYSBEL® đã đạt được chứng nhận của FM Approvals. Điều đó không chỉ biểu trưng cho chất lượng đạt được nhờ quá trình theo đuổi không biết mệt mỏi của chúng tôi đối với an toàn sản phẩm, và còn đại diện cho đẳng cấp chất lượng của một sản phẩm được nhận chứng nhận FM – “những sản phẩm tốt nhất được chứng nhận theo tiêu chuẩn cao nhất. Chúng tôi hy vọng Tủ chứa an toàn thép thương hiệu SYSBEL® - đã từng vượt qua các bài kiểm tra chất lượng ngặt nghèo nhất – có thể mang đến cho khách hàng sự bảo vệ tin cậy nhất đối với khâu bảo quản và an ninh tài sản.



Thà phòng chống trước còn hơn bồi thường sau

FM Approvals

Giới thiệu về FM Approval:

FM nghĩa là Factory Mutuals, là tên viết tắt của: Công ty Bảo hiểm Cháy nổ thuộc Factory Mutual. FM được thành lập vào thế kỷ 18, và là một trong các công ty bảo hiểm cháy nổ công nghiệp và thương mại lớn nhất trên thế giới, có khách hàng tại 132 quốc gia trên toàn cầu. Công ty có tổng cộng trên 100000 chương trình bảo hiểm toàn cầu. Hoạt động theo phương châm “Cải tiến tài sản để giảm thiểu rủi ro”, công ty hiện đang dẫn đầu thị trường toàn cầu trên các lĩnh vực bảo hiểm tài sản, quản trị rủi ro và kỹ thuật phòng ngừa tổn thất, với năng lực bảo hiểm và phạm vi bảo hiểm dẫn đầu thị trường. FM cam kết hợp tác với khách hàng để giảm thiểu rủi ro đối với tài sản của họ thông qua việc nghiên cứu các công nghệ, kỹ thuật ngăn ngừa tổn thất tiên tiến nhất của FM trong kỹ thuật, chuyên môn quản lý rủi ro và các sản phẩm bảo hiểm toàn diện, để duy trì độ tin cậy xuyên suốt cho hoạt động của khách hàng. Do đó, rất nhiều các hãng sản xuất nổi tiếng thế giới cũng như các khách hàng thương mại đang trở thành khách hàng của FM Global, cũng như lựa chọn các sản phẩm được chứng nhận bởi FM để bảo vệ cho tài sản của mình.

FM Global cung cấp dịch vụ chứng nhận và kiểm nghiệm sản phẩm công nghiệp và thương mại toàn cầu thông qua FM Approvals. Được công nhận và chấp nhận trên khắp toàn cầu, chứng nhận của FM Approvals đảm bảo cho khách hàng rằng sản phẩm/ dịch vụ đã được kiểm nghiệm khách quan theo các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế cao nhất.

FM Approvals được chứng nhận bởi Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ (OSHA) là một Phòng thí nghiệm Kiểm nghiệm Được chứng nhận Toàn quốc (URTL). FM Approvals cũng được công nhận bởi Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ là một Tổ chức Phát triển tiêu chuẩn (SDO). Bên cạnh đó, FM Approvals cũng được chứng nhận bởi tổ chức Dịch Vụ Chứng nhận Quốc tế (IAS).

Các sản phẩm mang dấu chứng nhận của FM Approvals đồng nghĩa với việc sản phẩm đó đã được kiểm nghiệm và chứng minh tuân thủ với các tiêu chuẩn quốc gia và/ hoặc quốc tế cụ thể và tiêu chuẩn của FM Approvals, và vì thế đạt tiêu chuẩn để lưu hành một thị trường khu vực hoặc thị trường quốc tế. Trên dấu hiệu chứng nhận FM Approvals Kim cương gắn trên sản phẩm chuyên tải lý tưởng của FM” “Sản phẩm tạo nên từ khoa học và kỹ thuật”, cũng như sự tận tụy đối với nguyên tắc “Những sản phẩm tốt nhất được chứng nhận theo tiêu chuẩn cao nhất” kể từ khi FM được thành lập từ hơn 1 thế kỷ trước. Hiệu năng tin cậy của các sản phẩm đạt chứng nhận FM đồng nghĩa với việc nó có thể giảm thiểu các rủi ro đối với tài sản của khách hàng, và cũng đồng nghĩa với việc khách hàng có thể sử dụng các sản phẩm đó để thỏa mãn các tiêu chuẩn địa phương. Vì trong hầu hết mọi trường hợp, tiêu chuẩn của FM Approvals luôn luôn cao hơn và nghiêm ngặt hơn so với các yêu cầu địa phương.





Hệ thống Chứa an toàn

Một trong các Nguyên nhân gây cháy chủ yếu là do khâu lưu trữ và xử lý chất lỏng và hóa chất dễ cháy không được đảm bảo. Tủ chứa Hóa chất lỏng dễ cháy SYSBEL sẽ giúp bạn lưu trữ và phân loại các hóa chất nguy hại một cách đảm bảo, giảm thiểu rủi ro và bảo đảm an toàn đối với con người cũng như môi trường.



Tủ chứa an toàn

Hỏa hoạn có thể trong nháy mắt cướp đi tất cả những gì bạn có một cách thật tàn nhẫn và gây ra những tổn thất lớn về tính mạng, tài sản và các hậu quả khác. Điều gì có thể giúp ngăn chặn và kiểm soát hiểm họa cháy?

Lưu trữ an toàn là một biện pháp đơn giản để phòng tránh các rủi ro. Việc quản lý phân nhóm và độ tinh khiết hóa chất là rất quan trọng. SYSBEL cung cấp các tủ đựng hóa chất lỏng dễ cháy an toàn, cho phép bạn lưu trữ các hóa chất nguy hại một cách an toàn và giảm thiểu rủi ro cháy.

Tủ chứa an toàn có các chức năng quan trọng

1. Lưu trữ hóa chất an toàn và giảm thiểu rủi ro cháy.
2. Bảo đảm thời gian cứu chữa khi sự cố cháy xảy ra.
3. Cho phép nhận diện các hóa chất nguy hại dễ dàng hơn, sắp xếp chúng một cách ngăn nắp và lưu trữ một cách đảm bảo (cách ly, lưu trữ ngăn cách hoặc riêng biệt)
4. Tuân thủ với Tiêu chuẩn FM cho Tủ đựng (Chất lỏng cháy được và dễ cháy) Class Number 6050, OSHA 29 FER 1910. 106 của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ, NFPA CODE30 của Hiệp hội Phòng chống Cháy Hoa Kỳ và Điều luật về Kiểm soát Hóa chất Nguy hại của Cục Giám sát và Quản lý sản xuất, nhờ đó cung cấp sự lưu trữ an toàn cho các hóa chất, chất lỏng dễ cháy
5. Tăng cường khả năng sẵn sàng sử dụng hóa chất tại nơi làm việc.
6. Tăng cường độ an toàn cháy nhờ hệ thống Cửa – Khóa và hệ thống thông khí chống cháy.



Các loại Tủ chứa an toàn

Trong khâu lưu trữ hóa chất, các màu và nhãn thường được sử dụng để nhận dạng các loại hóa chất khác nhau, để khi sự cố cháy xảy ra, có thể nhận diện các hóa chất nguy hại một cách dễ dàng.

					
Tủ chứa chất dễ cháy Tủ chứa an toàn màu vàng dùng để lưu trữ các chất lỏng dễ cháy (có điểm chớp cháy thấp và trung bình < 37,8°C)	Tủ chứa chất cháy được Tủ chứa an toàn màu đỏ dùng để lưu trữ sơn, dầu và các chất cháy khác (có điểm chớp cháy cao ≥ 37,8°C)	Tủ chứa chất ăn mòn Tủ chứa an toàn màu xanh dùng để lưu trữ các chất ăn mòn	Tủ chứa chất độc Tủ chứa an toàn màu trắng dùng để lưu trữ hóa chất độc	Tủ chứa thuốc trừ dịch hại Tủ an toàn màu xanh dùng để lưu trữ các loại thuốc diệt côn trùng, dịch hại, chất diệt khuẩn và các loại hóa chất khác	Tủ chứa Polyethylene/ Chất ăn mòn Tủ chứa Polyethylene/ Chất ăn mòn dùng để lưu trữ polyethylene mật độ cao hoặc các chất ăn mòn
					

[1, 2, 3] Xin hãy tham khảo danh sách Hàng hoá Nguy hại (GB 12268-90) và danh sách Hóa chất Nguy hại của SAWS (Cục An toàn Lao động Trung Quốc, bản năm 2002) *OSI-A CODE 29 CFR 1910. 106 quy định rằng đối với Chất lỏng dễ cháy hạng I Hạng I và II, tủ chứa không được chứa quá 60 Gal. Xin vui lòng tìm hiểu thêm các thông tin kỹ thuật lưu trữ ở trang 42. * Xin vui lòng tham khảo trang 35 và 36 để biết về các loại Tủ chứa an toàn.

Thép hàn chất lượng cao 18Ga(1-mm)

Ngăn tủ thể điều chỉnh vị trí, có thiết kế chống rò rỉ

Mẫu đỡ ngăn tủ được hàn dọc theo bên tủ.

Lớp sơn không chỉ với bề mặt đánh bóng, có khả năng chống ăn mòn và chống ẩm

Đáy chứa cặn 5,3 cm để chống tràn



Lỗ thông hơi chống cháy giảm thiểu một cách hiệu quả nồng độ chất bay hơi, giúp ngăn chặn hiểm họa cháy. Vô chống tràn cho phép ngăn ngừa rò rỉ hóa chất do v tình

Cánh cửa thép chống cháy 2 lớp và khoảng vật liệu cách nhiệt giữa hai lớp là 38 mm

Tủ đựng trang bị khóa nối 3 điểm, và cửa có thể mở đến 180°

Thiết bị khóa an toàn, cơ chế kiểm soát khóa đôi theo tiêu chuẩn Phép lệnh về Kiểm soát hóa chất nguy hại

Nhãn mác làm bằng vật liệu phản quang chất lượng cao để tăng cường độ an toàn của tủ đựng ở những nơi ánh sáng yếu



Tủ đạt Chứng nhận FM và CE và tuân thủ nghiêm ngặt với Tiêu chuẩn FM Approval đối với Tủ đựng (Chất dễ cháy và chất cháy được) Class Number 6050, OSHA 29 CER 1910. 106 của Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Hoa Kỳ, NFPA CODE30 của Hiệp hội Phòng chống Cháy Hoa Kỳ và Điều luật về Kiểm soát Hóa chất Nguy hại của Cục Giám sát và Quản lý sản xuất



Ngăn tủ có thể điều chỉnh vị trí theo mỗi 6 cm mặt phẳng, tạo điều kiện cho việc sử dụng toàn bộ không gian tủ



Lỗ thông khí chống cháy ở hai bên tủ, ở phía trên và phía dưới đáy



Khóa nối 3 điểm SYNTEX: giúp khóa trở nên an toàn hơn, tay kéo chốt dạng bán cho phép sử dụng dễ dàng hơn và tiết kiệm diện tích.



Quản lý hồ sơ thông tin an toàn vật liệu: Hộp đựng thông tin an toàn chất liệu tiêu chuẩn, áp dụng hóa chất cf trong quản lý hồ sơ



Cầu chì FM (chỉ áp dụng đối với cửa tự động đóng): Tự động đứt dây ở 74°C, khiến cửa đóng



Cấu trúc thiết kế chống tĩnh điện 3 điểm



Thiết bị chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn FM: Tay cầm dẫn điện kết hợp thiết bị với tủ để dẫn tĩnh điện xuống đất, nhờ đó phòng tránh được hỏa tai.



Thiết bị đóng cửa tự động (sản phẩm cửa đóng tự động): Đi kèm với hệ thống đóng cửa tự động, có thể tự động cánh cửa kim loại bên dưới cầu chì



Nhãn phản quang: Trong trường hợp có khói hoặc mất điện, tủ có thể được khóa lại một cách nhanh chóng



Lớp bọc dày: Các chân đỡ ở các góc được gia cố và bọc trong các hộp dày để tạo điều kiện vận chuyển và đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển sản phẩm

[1] Xin hãy tham khảo danh sách Hàng hoá Nguy hại (GB 12268-90) và danh sách Hóa chất Nguy hại của SAWS (Cục An toàn Lao động Trung Quốc, bản năm 2002) Xin vui lòng tham khảo trang 36 để biết về các loại Tủ đựng an toàn

Lựa chọn tủ chứa an toàn như thế nào?

Các loại vật chứa

Lựa chọn tủ chứa an toàn theo loại và số lượng vật chứa

Xác nhận xen vật chứa là loại nào: can an toàn, thùng dầu dung tích dưới 55Gal, thùng mạ dung tích nhỏ, chai 4L, bình aerosol hoặc các chai nhỏ hơn. Tất cả các loại vật đựng phải kín khí

Thể tích lưu trữ

Xác nhận thể tích cần thiết cho tủ chứa an toàn

Lựa chọn tủ chứa theo nhu cầu về thể tích của bạn. Tủ chứa càng to thì càng có nhiều diện tích chứa. Tủ chứa An toàn SYSBEL có 11 mức thể tích khác nhau, bao gồm 4Gal, 12 Gal, 22 Gal, 30 Gal, 45 Gal, 54 Gal, 55 Gal, 60 Gal, 90 Gal, 110 Gal và 120 Gal, bạn có thể lựa chọn loại phù hợp nhất dựa trên không gian và thể tích lưu trữ

Môi trường phục vụ

Đảm bảo môi trường phục vụ của tủ chứa

Đảm bảo rằng tủ chứa được sử dụng trên mặt tiếp xúc nằm ngang, không ở gần các nguồn lửa, ở nơi khô thoáng. Chọn loại tủ dựa trên nhu cầu, ví dụ như tủ nhiều ngăn, tủ để bàn hoặc tủ chạn dưới chụp hút gió ở phòng thí nghiệm (Tủ chứa an toàn SYSBEL 10 Gal). Bạn cũng có thể dựa trên nhu cầu về phòng chống rò rỉ để lắp đặt thêm khay nhựa PVC phù hợp.

Đặc tính hóa học

Lắp đặt dựa theo đặc tính hóa học của hóa chất

Quản lý màu sắc + Quản lý nhãn dán = Dễ dàng nhận diện

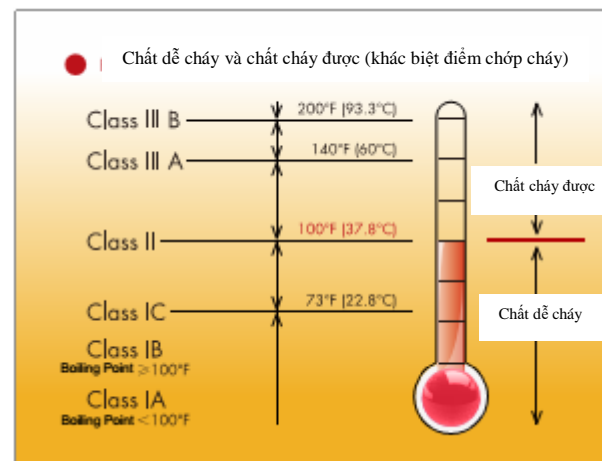
Quản lý màu sắc và quản lý nhãn dán giúp bạn có thể nhận dạng, quản lý và phân biệt giữa các loại hóa chất nguy hại khác nhau trong quá trình lưu trữ. Theo Hồ sơ thông tin an toàn vật liệu (MSSD) của các hóa chất dự kiến lưu trữ, bạn có thể xác định các đặc tính hóa học của chúng và các yêu cầu lưu trữ, từ đó chọn loại tủ chứa an toàn tương ứng về màu sắc và hệ thống quản lý nhãn dán, phân loại và độ đậm đặc của hóa chất để phòng tránh rủi ro cháy, phản ứng khí hay nổ do lưu trữ không tương thích

Đối với các hóa chất độc và nguy hại hoặc các thuốc thử dùng trong điều tra, thử nghiệm, công nghiệp và khai mỏ, luyện kim, hóa chất và các ngành công nghiệp khác, cần có các tủ đựng chất độc chuyên dụng để lưu trữ, cũng như phải thực hiện kiểm soát an ninh nghiêm ngặt để đảm bảo sử dụng an toàn các hóa chất độc và nguy hại



Theo quy ước công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ

Quản lý hóa chất đặc biệt



Tuân thủ theo OSHA 29 CFR 1910.106

CHẤT LỎNG DỄ CHÁY VÀ CHÁY ĐƯỢC

Tủ chứa chất dễ cháy

Tủ chứa chất dễ cháy **SYSBEL** dùng để chứa chất lỏng dễ cháy (chất lỏng có điểm bắt cháy thấp và trung bình, điểm bắt cháy < 37,8°C), giúp giảm thiểu rủi ro cháy, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản



Tủ chứa chất dễ cháy

Thể tích (Gal/L)	Chứng nhận	Loại cửa	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí được (cái)	Trọng tải ngăn tủ (kg)	KL tịnh (kg)	KL tổng (KG)	Mẫu
4/15	CE	Cửa đơn/ Mở tay	56x43x43	59x50x50	1	50	26.5	30.5	WA810040
10/38	CE	Cửa đơn/ Mở tay	64x59x60	78x66x67	1	50	44	56	WA810100
12/45	FM, CE	Cửa đơn/ Mở tay	89x59x46	103x66x53	1	50	47	59	WA810120
12/45	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	46x109x46	64x120x57	-	-	46	58	WA3810120
17/64	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	61x109x46	79x120x57	1	50	59.3	71	WA3810170
22/83	FM, CE	Cửa đơn/ Mở tay	165x60x46	179x67x53	3	50	83	99	WA810220
30/114	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	112x109x46	126x116x53	1	100	87	107	WA810300
45/170	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x109x46	179x116x53	2	100	124	148	WA810450
54/204	FM, CE	Cửa đơn/ Mở tay	165x60x87	179x67x94	3	100	127	150	WA810540
55/207	CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x86x86	179x93x93	1	100	174	202	WA810550
60/227	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x86x86	179x93x93	2	100	145	173	WA810600
90/340	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x109x86	179x116x93	2	100	176	209	WA810860
110/415	CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x150x86	179x157x93	1	100	252	293	WA811100
115/434	CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x150x86	179x157x93	2 (trái) 1 (phải)	100	249	290	WA810115

Tủ chữa chất cháy được

Tủ chữa chất cháy được **SYSBEL** dùng để chứa sơn, dầu và các chất lỏng cháy được khác (chất lỏng có điểm bắt cháy thấp và trung bình, điểm bắt cháy $\geq 37,8^{\circ}\text{C}$), phù hợp cho công nghiệp mạ, in ấn, đồ nội thất, ô tô và các ngành khác



Tủ chữa chất cháy được

Thể tích (Gal/L)	Chứng nhận	Loại cửa	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí được (cái)	Trọng tải ngăn tủ (kg)	KL tịnh (kg)	KL tổng (KG)	Mẫu
4/15	CE	Cửa đơn/ Mở tay	56x43x43	59x50x50	1	50	26.5	30.5	WA810040R
12/45	FM, CE	Cửa đơn/ Mở tay	89x59x46	103x66x53	1	50	47	59	WA810120R
30/114	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	112x109x46	126x116x53	1	100	87	107	WA810300R
45/170	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x109x46	179x116x53	2	100	124	148	WA810450R
60/227	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x86x86	179x93x93	2	100	145	173	WA810600R
90/340	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x109x86	179x116x93	2	100	176	209	WA810860R

Tủ chữa chất ăn mòn

Tủ chữa chất ăn mòn **SYSBEL** dùng để đựng các chất lỏng ăn mòn. Sử dụng cho phòng thí nghiệm tại các trường đại học cao đẳng, viện nghiên cứu, v.v.



Tủ chữa chất ăn mòn

Thể tích (Gal/L)	Chứng nhận	Loại cửa	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí được (cái)	Trọng tải ngăn tủ (kg)	KL tịnh (kg)	KL tổng (KG)	Mẫu
4/15	CE	Cửa đơn/ Mở tay	56x43x43	59x50x50	1	50	27	31	WA810040B
12/45	FM, CE	Cửa đơn/ Mở tay	89x59x46	103x66x53	1	50	48	60	WA810120B
22/83	FM, CE	Cửa đơn/ Mở tay	165x60x46	179x67x53	3	50	85	101	WA810220B
30/114	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	112x109x46	126x116x53	1	100	89	109	WA810300B
45/170	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x109x46	179x116x53	2	100	127	151	WA810450B
60/227	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x86x86	179x93x93	2	100	148	176	WA810600B
90/340	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x109x86	179x116x93	2	100	181	214	WA810860B

Tủ chứa chất trừ dịch hại

Tủ chứa thuốc trừ dịch hại **SYSBEL** dùng để chứa thuốc diệt côn trùng, thuốc diệt dịch hại, thuốc diệt khuẩn và các loại hóa chất khác. Thích hợp cho hoạt động chăm sóc thảm cỏ, sân golf, trang trại, công viên, công viên giải trí và các địa điểm khác.



WA810120G

WA810300G

WA810450G

Tủ chứa chất trừ dịch hại

Thể tích (Gal/L)	Chứng nhận	Loại cửa	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí được (cái)	Trọng tải ngăn tủ (kg)	KL tịnh (kg)	KL tổng (KG)	Mẫu
12/45	FM, CE	Cửa đơn/ Mở tay	89x59x46	103x66x53	1	50	47	59	WA810120G
30/114	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	112x109x46	126x116x53	1	100	87	107	WA810300G
45/170	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x109x46	179x116x53	2	100	124	148	WA810450G



WA810450W



WA810120W

Tủ chứa chất cháy được

Tủ chứa chất độc **SYSBEL** dùng để chứa các hóa chất độc. Được sử dụng rộng rãi tại các nhà máy hóa chất, các phòng thí nghiệm tại các trường đại học cao đẳng, viện nghiên cứu, v.v

Tủ chứa chất độc

Thể tích (Gal/L)	Chứng nhận	Loại cửa	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí được (cái)	Trọng tải ngăn tủ (kg)	KL tịnh (kg)	KL tổng (KG)	Mẫu
12/45	FM, CE	Cửa đơn/ Mở tay	89x59x46	103x66x53	1	50	47	59	WA810120W
45/170	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	165x109x46	179x116x53	2	100	124	148	WA810450W

Tủ chứa chất dễ cháy gầm bàn

Tủ chứa chất dễ cháy gầm bàn chất lượng cao đạt tiêu chuẩn FM **SYSBEL**, có thiết kế chống đá phía dưới và lỗ thông hơi phía sau. Trang bị phía bàn thí nghiệm áp tường có thông hơi. Sử dụng làm nơi lưu trữ chất dễ cháy có thể tiếp cận thuận tiện. Sử dụng rộng rãi trong các viện nghiên cứu khoa học, phòng thí nghiệm tại các trường đại học và cao đẳng.



Tủ chứa chất dễ cháy gầm bàn

Thể tích (Gal/L)	Chứng nhận	Loại cửa	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí được (cái)	Trọng tải ngăn tủ (kg)	KL tịnh (kg)	KL tổng (KG)	Mẫu
19/72	FM, CE	Cửa đôi/ Mở tay	91x76x55	1	50	63.5	78	WA810190

Lồng chứa bình ga

SYSBEL cung cấp đa dạng đầy đủ các loại Lồng chứa bình ga, có các kiểu dáng dọc, ngang, cao, rộng để chứa các loại bình khí hóa lỏng và ga. Dù là sử dụng cho lưu trữ bình khí hóa lỏng, ga hay hỗn hợp, chúng tôi luôn có giải pháp cho bạn. Các lồng chứa bình ga gồ gề này giúp bảo vệ bình ga khỏi kẻ trộm và người không có phận sự tiếp xúc. Lồng giúp lưu trữ bình ga một cách an toàn và hiệu quả, bất kể môi trường công nghiệp hay thương mại, trong nhà hay ngoài trời, và có biển báo chất dễ cháy rất dễ dàng nhìn thấy. Đạt tiêu chuẩn NFPA 58 cho lưu trữ khí hóa lỏng và các quy định của OSHA 1910.110



WA710204



WA710208



WA710216



WA710309



WA710318

Lồng chứa bình ga

Loại bình ga	Tư thế	Khả năng đựng	Số lượng giá	Kích thước sản phẩm (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói	KL tổng (KG)	Mẫu
Khí hóa lỏng	Dọc	4	1	96x76x76	98x80x25	51.5	WA710204
		8	3	180x76x76	190x80x25	84.8	WA710208
		16	6	180x152x76	190x160x45	115	WA710216
Khí nén	Ngang	9	-	180x76x76	190x80x25	60.8	WA710309
		18	-	180x152x76	190x160x45	91	WA710318
Khí hóa lỏng & Khí nén	8 bình ngang và 9 bình dọc		3	180x152x76	190x160x45	97.5	WA710589



* Hệ thống nạp khí tự túc

Tủ chứa bình ga

- * 2 chức năng trong 1: 1, Giới hạn không gian của các bình ga để tránh nguy hại do va chạm; 2, Phát hiện và cảnh báo nguy hại
1. Cấu tạo độ bền cao, thép mạ dày 1.2 mm có lớp phủ sơn bột mạnh mẽ tạo khả năng chống chịu ăn mòn hoàn hảo.
 2. Có các cửa sổ chống nổ trên cửa tủ, cho phép quan sát bên trong một cách thuận tiện, an toàn.
 3. Các lỗ xuyên được làm ở 2 bên để bảo đảm thông khí tốt.
 4. Chốt cửa khóa tay có ở khóa chia để ngăn chặn người không có phân sự tiếp xúc.
 5. Có lắp đặt xích cố định để giữ cho bình ga đứng thẳng.
 6. Bàn đạp chắc chắn, gấp gọn được ở đáy tủ giúp cho việc đặt vào/ lấy ra dễ dàng hơn.
 7. Hệ thống phát hiện ga dễ cháy đạt chứng nhận EXd CT6 và IP65.
 8. Các thiết bị báo động sẽ kích hoạt đèn nháy và còi báo khi hệ thống phát hiện rò rỉ ga.
 9. Có 2 hệ thống xả khí có thể lắp đặt thêm. Một loại có máy thổi khí giúp đẩy ga rò rỉ ra ngoài và giảm nồng độ ga trong tủ. Loại còn lại không có máy thổi khí, chỉ cung cấp đường nối giữa hệ thống xả khí chính với tủ.



* Hệ thống xả khí độc lập

Tủ chứa bình ga

Miêu tả	Loại cửa	Màu	Kích thước sản phẩm (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Ghi chú	Mẫu
Tủ đựng 2 bình	Cửa đôi / Mở tay	Xám	190x90x45	204x97.3x56.7	* Có máy thổi khí	WA710102
Tủ đựng 2 bình					* Không máy thổi khí	WA720102
Tủ đựng 3 bình			190x120x45	204x127.3x56.7	* Có máy thổi khí	WA710103
Tủ đựng 3 bình					* Không máy thổi khí	WA720103

Bảng phương án lựa chọn máy phát hiện ga

Có khả năng phát hiện các loại ga:	Ghi chú
Bao gồm CO, H ₂ S, NH ₃ , H ₂ , CH ₂ O, CH ₄ , C ₃ H ₈ , C ₆ H ₆ , CH ₃ Br, ETO, C ₂ H ₂ , C ₂ H ₄	Phổ thông
Ngoài phát hiện các loại ga cháy được, còn có các đầu thử có thể phát hiện các khí THT, CS ₂ , F ₂ , HF	Không bắt buộc

Tủ trang thiết bị tình huống khẩn cấp (tủ PPE)

Sử dụng chủ yếu để lưu trữ các trang thiết bị bảo vệ cá nhân hoặc thiết bị cho tình huống khẩn cấp như mũ bảo hiểm, kính bảo hộ, mặt nạ bảo hộ, giày an toàn, khóa an toàn, bộ dụng cụ sơ cứu và Thiết bị thở độc lập (SCBA). Tủ cũng thường được gọi là tủ Trang bị bảo hộ cá nhân (PPE). Đồng thời, tủ trang thiết bị tình huống khẩn cấp cũng được sử dụng rộng rãi để lưu trữ thiết bị thấm, quần áo, giày, găng tay bảo hộ hóa chất, kính mắt bảo hộ, kính chụp bảo hộ và các loại trang thiết bị tình trạng khẩn cấp khác.



Cấu tạo Tủ trang thiết bị tình huống khẩn cấp

1. Thép mạ chất lượng cao 18Ga(1-mm)
2. Khu vực lưu trữ các loại quần áo bảo hộ chống hóa chất chung.
3. Sử dụng sơn Epoxy không chì, nhờ đó có bề mặt sơn tươi sáng, chống ăn mòn và chống ẩm.
4. Cấu trúc thép 1 lớp
5. Thiết kế khóa trần-nền với cơ cấu bền.
6. Khu vực lưu trữ các PPE cỡ nhỏ và các trang thiết bị tình huống khẩn cấp, tùy theo yêu cầu công việc
7. Dung tích 45Gal
- 8 Khu vực đựng SCBA, một tủ PPE có thể đựng tới 4 bộ SCBA

Tủ trang thiết bị tình huống khẩn cấp (tủ PPE)

Màu	Thể tích (Gal/L)	Chứng nhận	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí (Cái)	Số lượng mẫu đỡ ngăn tủ	Khoảng cách từ mẫu đỡ ngăn tủ đầu tiên đến trần tủ (cm)	Khoảng cách giữa các mẫu đỡ ngăn tủ (cm)	Khoảng cách từ mẫu đỡ ngăn tủ cuối cùng tới đáy tủ (cm)	Khối lượng tổng (Kg)	Móc treo	Khoảng cách đến đáy	Mẫu
Vàng	45/170	CE	180X120X45	194X127.3X52.2	3	14	22.3	7.6	44.7	75	Tháo được	152	WA910450

Tủ chứa chất có tính ăn mòn

1. Cấu tạo bởi các tấm polypropylene(PP) 8mm, cung cấp năng lực bảo vệ vượt trội chống lại acid, alkali và ăn mòn mạnh.
2. Các ngăn tủ điều chỉnh vị trí được và đảo ngược đáp ứng các yêu cầu phong phú của người sử dụng.
3. Dụng bởi các tấm uốn cong để đảm bảo tủ ổn định và ngăn ngừa biến dạng.
4. Chia làm 2 phần để đựng các loại hóa chất khác nhau, tận dụng tối đa không gian đựng.
5. Được trang bị các lỗ thông hơi độc lập có thể được kết nối với hệ thống xả.
6. Yếm khóa có thể khóa bằng khóa móc, nhờ đó có thể được khóa đôi để ngăn ngừa người không phận sự tiếp xúc



ACP810004

ACP810012

ACP810030

ACP810048

ACP810048T

Tủ chứa chất có tính ăn mòn

Thể tích (Gal/L)	Chứng nhận	Loại cửa	Vật liệu	Màu	Kích thước bên ngoài	Kích thước đóng gói	Khối lượng tổng	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí	Mẫu
4	CE	Cửa đơn	8mmPP(Polypropylene)	Trắng	59x46x4359	62x53x53	17.6	1	ACP810004
12	CE	Cửa đơn	8mmPP(Polypropylene)	Trắng	89x59x46	103x66x53	34	1	ACP810012
30	CE	Cửa đôi	8mmPP(Polypropylene)	Trắng	112x 109x46	126x116x53	55	1	ACP810030
48	CE	Bốn cửa	8mmPP(Polypropylene)	Trắng	180x109x46	194x122.3x57.2	61	3	ACP810048
48	CE	Bốn cửa	8mmPP(Polypropylene)	Trắng	180x109x46	194x122.3x57.2	96	3	ACP810048T

Tủ chứa chất ăn mòn Polyethylene

Cấu trúc nguyên khối của tủ đựng chất ăn mòn Polyethylene cung cấp sự bảo vệ tối đa cho hóa chất bên trong đối với các loại acid mạnh hay hóa chất có tính ăn mòn.

Tủ chứa chất ăn mòn Polyethylene **SYSBEL**, với cấu trúc nguyên khối bảo đảm gần như khô thể bị rò rỉ. Tủ cũng đồng thời có khả năng chống chịu ăn mòn hoàn hảo và hệ thống phụ ngăn ngừa, kiểm soát rò rỉ. Hệ thống khóa đôi cho phép thực hiện quản lý khóa 2 người, đạt tiêu chuẩn EPA264.175 của EPA Hoa Kỳ, OSHA29CFR1910.1450 của OSHA và Đạo luật Quản lý Hóa chất Nguy hại Trung Quốc (01/12. Phiên bản 2011). Trên các cánh cửa của tủ có nhãn cảnh báo hóa chất ăn mòn hoặc acid cung cấp sự đảm bảo bổ xung cho khâu kiểm soát lưu trữ hóa chất của bạn.

Tủ chứa chất ăn mòn Polyethylene cửa đơn để bàn ACP80001

Dung tích 4 Gal. Thiết kế 100% nhựa và không có chặn cửa, khả năng chống ăn mòn tuyệt hảo. Các ngăn trong tủ có thể được tháo ra theo yêu cầu để cải thiện khả năng tận dụng diện tích chứa. Cả 2 bên của cửa đều có thể lắp bản lề và cửa có thể được mở theo cả 2 bên, để tận dụng tối đa diện tích bàn. Mỗi bên của tủ đều có 2 lỗ thông hơi, và nắp các lỗ có thể được mở để thông hơi và để giải phóng khí nén khi cần thiết; thiết kế khóa đôi để đạt yêu cầu cho chế độ quản lý khóa 2 người. Sản phẩm đạt chứng nhận CE.

Tủ chứa chất ăn mòn Polyethylene cửa đôi để gầm bàn ACP80002

Dung tích 22 Gal. Thiết kế 100% nhựa và không có chặn cửa tủ, khả năng chống ăn mòn tuyệt hảo. Các ngăn trong tủ có thể được tháo ra theo yêu cầu để cải thiện khả năng tận dụng diện tích đựng. Mỗi bên của tủ đều có 2 lỗ thông hơi, và nắp các lỗ có thể được mở để thông hơi và để giải phóng khí nén khi cần thiết; thiết kế khóa đôi để đạt yêu cầu cho chế độ quản lý khóa 2 người. Sản phẩm đạt chứng nhận CE.



Tủ đạt chứng nhận CE, tuân thủ với EPA264.175 của EPA và OSHA29CFR1910.1450 của OSHA cũng như H Đạo luật Quản lý Hóa chất Nguy hại SAWS



Khóa móc đôi đạt yêu cầu về quản lý khóa 2 người để đạt mức bảo đảm an ninh cao hơn. (Khóa móc không bắt buộc)



Thiết kế nắp tủ đặc biệt, có thể sử dụng làm bàn làm việc.



Hai lỗ thông hơi ở mỗi bên tủ đều có nắp tháo được dùng để thông hơi hoặc xả khí nén khi cần thiết.



Các ngăn tủ có thể được tháo ra để tận dụng không gian đựng tốt hơn.

Tủ chứa chất ăn mòn Polyethylene

Thể tích (Gal/L)	Số lượng cửa và kiểu tủ	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Ngăn tủ điều chỉnh vị trí được (Cái)	Dung tích đáy chứa cặn (Gal/L)	Trọng tải ngăn tủ	Khối lượng tổng (Kg)	Mẫu
4/15	1/Đề bàn	49x41x36	51x43x40	1	1.79/6.8	20	8.8	ACP80001
22/83	2/Gầm bàn	89x90.5x54.4	91x93x58	4	3.17/12	20	35.5	ACP80002



ACP80001



ACP80002

Loại tủ đựng an toàn	Phân loại màu	Kích thước bên trong H x W x D (cm)	Khoảng cách từ đáy tủ tới sàn/cm	Chiều rộng hiệu dụng ngăn/cm	Chiều sâu hiệu dụng ngăn/cm	Chiều rộng hiệu dụng đáy đựng cặn/cm	Chiều sâu hiệu dụng đáy đựng cặn/cm	Số lượng móc treo ngăn/cm	Khoảng cách tối thiểu từ ngăn trên cùng tới nóc tủ/cm	Khoảng cách tối thiểu từ ngăn trên cùng tới ngăn thứ 2/cm	Khoảng cách tối thiểu từ ngăn cuối đến đáy đựng cặn
ACP80001	Xanh dương	44x39.5x30.5	2.3	26.4 (L1)	35.6 (D1)	37 (L2)	26 (D2)	/	16 (H1)	—	25.5 (H3)
ACP80002	Xanh dương	76x89x49.5	6.5	37.7 (L3)	43.6 (D3)	47.2 (L4)	43.5 (D4)	2	22 (H1)	22.5 (H2)	39.5 (H3)

Ghi chú:

Kích thước hiệu dụng mặt bằng trên cùng của tủ: 36.4x27.2 (ACP80001, LxW/cm) 83.3x46.7 (ACP80002, LxW/cm)

Kích thước hiệu dụng ngăn: 26.4x35.6 (ACP80001, L1xD1/cm) 37.7x43.6 (ACP80002, L3xD3/cm)

Kích thước hiệu dụng đáy đựng cặn: 37x26 (ACP80001, L2xD2/cm) 47.2x43.5 (ACP80002, L4xD4/cm)

* Lời khuyên: Khi chất ăn mòn mạnh trong tủ lưu trữ bị rò rỉ, hóa chất bị rò rỉ sẽ chảy về đáy chứa cặn ở đáy tủ. Xin hãy sử dụng dụng cụ thấm và các sản phẩm chống tràn khác để xử lý lượng hóa chất bị tràn kịp thời theo hướng dẫn của người có chuyên môn.

[1] Xin vui lòng tham khảo Danh sách Hàng hóa Nguy hại (GB 12268-90) và Danh sách Hóa chất nguy hại của SAW (OSHA Code 29CFR 1910.106 bản 2002)

** xin vui lòng tham khảo trang 35 và 37 để có thông tin về loại Tủ đựng an toàn

Phụ tùng tủ chứa an toàn



Ngăn tủ



Khay nhựa PE



Con lăn tủ



Đốc chân tủ



Thiết bị chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn FM



Hộp hồ sơ thông tin an toàn vật liệu



Phụ tùng hỗ trợ tủ chứa an toàn

Loại	Tên phụ tùng	Dùng để loại tủ	Kích thước bên ngoài H x W x D (cm)	Khối lượng tổng (Kg)	Mẫu	Chức năng
Giá	Ngăn thép mạ	4 Gal	2.7x34x33	1.4	WAL040	Nhiều cách phân chia ngăn đựng hơn để thỏa mãn nhu cầu đa dạng.
	Ngăn thép mạ	12 Gal	2.7x50x36	2.4	WAL012	
	Ngăn thép mạ	22 Gal	2.7x50x36	2.4	WAL022	
	Ngăn thép mạ	30/45 Gal	2.7x100x36	5.4	WAL03045	
	Ngăn thép mạ	60 Gal	2.7x77x76	7.8	WAL060	
	Ngăn thép mạ	90 Gal	2.7x100x76	9.7	WAL090	
Con lăn tủ	Con lăn di chuyển thùng dầu cho tủ an toàn	55/110/115 Gal	11.5x75x68	22.9	WADR001	Hỗ trợ lưu trữ các thùng dầu và hóa chất
Đốc chân tủ	Đốc di chuyển thùng dầu cho tủ an toàn	55/110/115 Gal	3.5x68x58	8.6	WAR001	Thiết kế ray đặc biệt giúp tăng cường ma sát, thuận tiện cho nhân viên thực hiện việc đặt vào/ lấy ra
Nối đất	Thiết bị chống tĩnh điện	Tủ chứa an toàn bằng thép	Φ 02mm, dài 1.5m	0.2	WA001	Nhanh chóng loại bỏ hấp thụ tĩnh điện để ngăn ngừa tia lửa do tĩnh điện
	Thiết bị chống tĩnh điện đạt tiêu chuẩn FM	Tủ chứa an toàn bằng thép	Φ 02mm, dài 2m	0.2	WA002	
Hộp hồ sơ	Hộp hồ sơ thông tin an toàn vật liệu	Tủ chứa an toàn bằng thép	30.8x23x4.5	0.45	WAB001	Nơi chứa các tài liệu dữ liệu quan trọng

Khay nhựa PE

Chi tiết kỹ thuật sản phẩm	Độ dày thành	Chất liệu	Màu	Kích thước hình dạng H x W x D (cm)	Mẫu	Miêu tả
Khay nhựa PE cho tủ 4 Gallon	2.2mm	PE	Trắng sữa	34x33x2.2	WAT004	Trang bị cho các tủ đựng hóa chất ăn mòn yếu
Khay nhựa PE cho tủ 12/22 Gallon	2.2mm	PE	Trắng sữa	50x36x2.2	WAT01222	
Khay nhựa PE cho tủ 30/45 Gallon	2.2mm	PE	Trắng sữa	100x36x2.2	WAT03045	
Khay nhựa PE cho tủ 60 Gallon	2.2mm	PE	Trắng sữa	76.4x76x2.2	WAT060	

Thiết lập tiêu chuẩn	Cho các tủ đựng chất ăn mòn chống cháy màu xanh kim loại, chỉ khi ở dạng tiêu chuẩn
Thiết lập không bắt buộc	Không bắt buộc cho các loại tủ khác

Vật chứa an toàn

Thùng chứa rác thải dầu

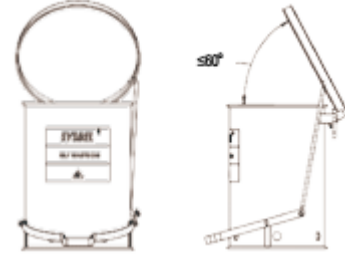
Trợ thủ đắc lực của bạn khi thu gom rác thải dầu!

Để phòng ngừa rủi ro hỏa hoạn và thu nhặt các mảnh vụn, giẻ bị nhúng dầu (các dung môi dễ cháy, dầu lạnh và các chất lỏng dễ cháy), hãy sử dụng thùng chứa rác thải dầu đạt tiêu chuẩn OSHA. Thùng chứa rác thải dầu SYSBEL được trang bị loại nắp đặc biệt có độ mở không vượt quá 60 độ. Thiết kế nắp tự đóng giúp bảo đảm rằng thùng luôn đóng chặt khi không có tác động của ngoại lực, nhằm kiểm soát hiệu quả 3 yếu tố của ngọn lửa



OSHA®

Tuân thủ tiêu chuẩn OSHA29
CFR910.106&1910.144 của OSHA



Xe đẩy thùng đựng rác thải dính dầu

Thùng chứa rác thải dầu

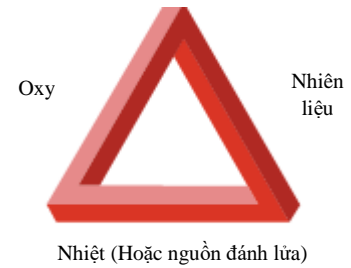
Thể tích (Gal/L)	Kích thước bên ngoài HxD(cm)	Kích thước đóng gói HxWxD (cm)	Khối lượng tịnh (kg)	Khối lượng tổng (kg)	Xe đẩy thép cho thùng chứa rác thải dầu		Mẫu
					Mẫu xe đẩy	Kích thước bên ngoài (DxH)	
6/22.6	40x30	46x42x42	4.5	6	WAS006	32x8	WA8109100
10/38	46x35	52x47x47	6	7.5	WAS0010	37x8	WA8109300
14/52	51x41	58x51x51	7.5	9	WAS0014	43x8	WA8109500
21/79.3	60x47	66x56x56	11	12	WAS0021	49x8	WA8109700

Thùng chứa dầu lọc thuốc lá

Làm từ polyethylene chứa phụ gia ức chế tử ngoại UV và chất chậm bắt cháy. Thiết kế ống nhựa dài hạn chế oxy và nhanh chóng dập tắt đầu lọc đang cháy. Đầu nắp hình ô ngăn nước khỏi lọt vào và loại bỏ nhiệt.

Các mối nối thép không gỉ giúp kết nối chặt các bộ phận của thùng chứa có xử lý chống rỉ và ăn mòn.

Trang bị thùng chứa có thể chứa hàng nghìn dầu lọc. Thiết kế chống trộm để ngăn ngừa trộm và phá hoại. Không có khóa móc.



Oxy

Nhiên liệu

Nhiệt (Hoặc nguồn đánh lửa)

Nhiệt (Hoặc nguồn đánh lửa): Đường dây cơ khí hoặc tinh điện bị hư hại, diêm hoặc thuốc lá đang cháy, v.v.

Oxy: Oxy trong không khí

Nhiên liệu, Các loại chất lỏng dễ cháy hoặc cháy được, như diesel, kerosene, xăng, v.v

CBR8102



CBR8101



Thùng chứa dầu lọc thuốc lá

Thể tích (Gal/L)	Kích thước bên ngoài H x W x D (cm)	Kích thước đóng gói H x W x D (cm)	Khối lượng tịnh (kg)	Khối lượng tổng (kg)	Mẫu đỏ	Mẫu xám
2/8	89.5x34.5x34.5	91x35.5x35.5	3.2	4.0	CBR8101	CBR8102

Can an toàn

Can an toàn kim loại Loại I là các dụng cụ đựng dùng để nạp hoặc đổ bỏ chất lỏng qua cùng một vòi. Với thiết kế tay cầm và kẹp độc đáo, can có thể được mở chỉ bằng 1 tác động lực, giúp cho việc đổ và vận chuyển được dễ dàng hơn. Tất cả các mẫu can an toàn đều được trang bị lưới ngăn lửa có khả năng loại bỏ nguồn nhiệt một cách hiệu quả và ngăn ngừa đánh lửa. Các can an toàn tự động đóng để ngăn chặn tràn và rò rỉ hiệu quả. Hệ thống giảm áp tự động có thể giải phóng được áp lực trong khoảng 0.2 đến 0.35 kg / cm² (3 đến 5 pounds / inch²) giúp tránh hiện tượng vỡ bình do tai nạn hay hiểm họa nổ.

Quai xách gắn cố định và làm tròn cho phép có thể phối hợp với kẹp để mở nắp vòi mà không cần đến bộ phận nối phụ, giúp cho việc sử dụng và vận chuyển trở nên dễ dàng hơn

Thiết kế trục đỡ gia cố và kết cấu gờ nối đối xứng qua tâm của quai giúp cân bằng lực bên trong của can

Sơn lớp phủ sơn epoxy không chì, giúp giảm thiểu tác động của ăn mòn và độ ẩm

Không có đường hàn nối đáy.



Nắp giảm áp dương. Kín rò rỉ, tự động xả hơi trong khoảng 0,2 đến 0,35 bar (3 đến 5 psig) để ngăn ngừa vỡ bình (hoặc nổ trong trường hợp có hỏa hoạn), chịu tải bằng lò xo, tự động đóng sau khi đổ vào hoặc đổ ra.

Thiết kế nguyên khối cho kết cấu kết hợp của nóc và thân can.

Băng vàng quanh thân can ghi thông điệp cảnh báo và ghi rõ ràng chất đựng bên trong nhằm tăng cường an ninh



Có các lựa chọn 2.5 gallon và 5 gallon



Lưới ngăn lửa giúp loại bỏ hiệu quả nguồn nhiệt, ngăn ngừa đánh lửa.



Can an toàn đổ chất lỏng qua dây nối hoặc dây nối đất để đảm bảo an toàn hoạt động và kiểm soát (dây nối hoặc dây nối đất không phải là phụ kiện bắt buộc)



Nóc can có trang bị thiết kế trục đỡ gia cố phía sau và thiết kế hờ nối đặc biệt ở đáy, giúp cân bằng các lực bên trong can an toàn trong quá trình đựng chất lỏng



Trang bị nắp tự động đóng, có thể mở dễ dàng bằng kẹp mở nắp.



Cho phép vận chuyển dễ dàng và ngăn ngừa rò rỉ



Lưu trữ an toàn trong tủ chứa chất dễ cháy

Can an toàn

Thể tích (Gal/L)	Kích thước bên ngoài H x D (cm)	Kích thước đóng gói H x W x D (cm)	Khối lượng tịnh (kg)	Khối lượng tổng (kg)	Mẫu đỏ	Mẫu vàng
2.5/9.5	26x29	29x32x32	1.6	2	SCAN001R	SCAN001Y
5/19	40x29	43x32x32	2.15	2.65	SCAN002R	SCAN002Y

*Can đỏ dùng để xăng thông thường; Can vàng dùng để dầu diesel thông thường



Phòng chống, ngăn chặn & Kiểm soát tràn đổ

Rủi ro tràn đổ, rò rỉ là một trong các nguyên nhân chủ yếu của các hiểm họa tiềm ẩn tại nơi làm việc. Dòng sản phẩm Phòng chống, ngăn chặn & Kiểm soát tràn đổ **SYSBEL** giúp bạn giữ sạch môi trường nơi lưu trữ các thùng xăng dầu/hóa chất, để ngăn ngừa và kiểm soát một cách hiệu quả các tình huống tràn đổ và ô nhiễm môi trường gây ra bởi hóa chất bị tràn đổ. Chúng tôi cũng cung cấp các quy trình xử lý khẩn cấp để giải quyết vấn đề một cách kịp thời và đối đầu với các sự cố một cách dễ dàng.



Phòng chống và kiểm soát tràn đổ hóa chất

- * Cấu trúc thành bên dày và chịu tải ở giữa rất bền vững, có khả năng vận chuyển một cách chắc chắn các thùng phuy dầu/hóa chất và các loại vật dụng và thiết bị khác.
- * Vật liệu HDPE chống UV, chống gỉ và chống ăn mòn, phù hợp để vận chuyển hầu như mọi loại hóa chất.
- * Bề mặt lưới chống trượt, không sợ bị rách kể cả khi ở trọng tải tối đa, và có thể dễ dàng gỡ ra để thực hiện xử lý tràn đổ hóa chất
- * Các pallet chống tràn có thể nâng bằng xe nâng, và các sàn chống tràn có thể được lắp với nhau để lập thành một cụm công tác kiểm soát tràn đổ.
- * Giúp giữ sàn khô ráo, tránh trơn trượt.
- * Tất cả các pallet chống tràn và sàn chống tràn đều có thể xếp chồng lên nhau, giúp tiết kiệm diện tích và chi phí vận chuyển.
- * Tuân thủ các quy định EPA 40 CFR 264.175 của Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (EPA) và các quy định của Đạo luật Ngăn ngừa và Kiểm soát Tràn đổ (SPCC) cũng như NPDES của Hoa Kỳ.



Đã đạt chứng nhận CE, tuân thủ với các quy định của EPA 40 CFR 264.175 của EPA cũng như SPCC và NPDES của Hoa Kỳ.



Pallet chống tràn cho 2 thùng với cấu trúc xếp chồng được giúp tiết kiệm diện tích và chi phí vận chuyển



Nắp lỗ thoát lực giác hỗ trợ thoát hóa chất



Pallet chống tràn cho 2 thùng và cho 4 thùng với cấu trúc xếp chồng được giúp tiết kiệm diện tích và chi phí vận chuyển



Pallet chống tràn cho 2 thùng và cho 4 thùng có lỗ lắp càng nâng giúp công tác xe nâng được thuận tiện và cải thiện hiệu suất (*nghiêm cấm sử dụng quá trọng tải xe nâng)



Xe vận chuyển thủy lực cũng có thể sử dụng để vận chuyển các pallet, giúp cho việc vận chuyển tiện lợi hơn.



Đốc của pallet nhựa poly chống tràn giúp đưa các vật nặng lên pallet dễ dàng hơn.

Pallet nhựa poly chống tràn

Pallet nhựa poly chống tràn bản chất là các pallet chống tràn bằng nhựa có đáy chứa cặn và các rãnh lắp cặng nâng. Pallet có thể được trong lưu trữ, xử lý và vận chuyển các thùng phuy dầu/hóa chất. Tất cả chất lỏng bị rò rỉ sẽ chảy xuống bề chứa cặn phía dưới, không bị chảy ra đất. Nhờ có các dốc hỗ trợ, các thùng hóa chất có thể được xử lý một cách dễ dàng và nhanh chóng. Các mặt lưới độ bền cao, linh động và dễ dàng tháo lắp giúp việc tháo lắp, vệ sinh và thay thế dễ dàng hơn. Chất lỏng trong bề chứa cặn có thể được xả ra qua các lỗ xả, và phần lớn chất lỏng có thể được tái chế.



Pallet nhựa poly chống tràn

Sản phẩm	Vật liệu	Số lượng thùng phuy 200 L	Dung tích (Gal/L)	Trọng tải khối lượng (kg)	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Công tác xe nâng	Mẫu
Pallet nhựa poly chống tràn (2 thùng)	HDPE	2	32/120	1500	30×130×66	Công tác 2 hướng	SPP102
Pallet nhựa poly chống tràn (2 thùng)	HDPE	2	58/220	2000	45×131×67	Công tác 2 hướng	SPP102H
Pallet nhựa poly chống tràn (4 thùng)	HDPE	4	68/260	3000	30×130×128	Công tác 4 hướng	SPP104

Sàn nhựa poly chống tràn

Sàn nhựa poly chống tràn có cấu trúc thấp hơn pallet, nhờ đó tiết kiệm không gian hơn, nâng cao độ an toàn, hiệu quả và phục vụ cho việc xử lý các thùng phuy dầu/hóa chất. Sàn nhựa poly chống tràn chủ yếu được sử dụng để lưu trữ các thùng phuy dầu/hóa chất chứ không phải để vận chuyển chúng. Khi được lắp với nhau thành một trạm công tác, sàn chống tràn có thể được sử dụng làm nền cao cho nhiều công tác khác nhau (trích xuất dầu, đổ đầy, tách, v.v.). Sàn cũng có được trang bị với mặt lưới và hố thoát tương tự. Nhiều sàn có thể được lắp ghép với nhau tạo thành một trạm công tác ổn định, chắc chắn.



Sàn nhựa poly chống tràn

Sản phẩm	Vật liệu	Số lượng thùng phuy 200 L	Dung tích (Gal/L)	Trọng tải khối lượng (kg)	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Công tác xe nâng	Mẫu
Sàn nhựa poly chống tràn (1 thùng)	HDPE	1	11/42	1500	15×68×68	Không	SPP401
Sàn nhựa poly chống tràn (2 thùng)	HDPE	2	21/80	2000	15×130×66	Không	SPP101
Sàn nhựa poly chống tràn (4 thùng)	HDPE	4	40/150	3000	15×130×128	Không	SPP103

Pallet thép chống tràn

Pallet thép chống tràn cũng được sử dụng để lưu trữ, xử lý và tách cho các thùng phuy dầu/hóa chất. Pallet được làm từ các tấm thép cuộn cán nóng 3 mm, chắc chắn và bền. Thân của pallet được sơn phủ bằng bột lớp bột keo resin epoxy, tạo nên một bề mặt tươi sáng, chống bám bụi, chống gỉ và chống âm. Mặt lưới gia cố bằng sợi thủy tinh nhẹ cân, độ bền cao, chống mòn và chống lão hóa có thể được dễ dàng tháo lắp khi cần vệ sinh. Pallet có thể phục vụ nhu cầu xử lý bằng nhiều loại xe nâng khác nhau. Pallet dạng xe đẩy cho 2 thùng với đáy chứa cặn lớn sẽ thuận tiện vận hành hơn. Pallet này được thiết kế theo các tiêu chuẩn về ngăn chặn rò rỉ, và đã đạt 100% các bài kiểm tra về ngăn chặn rò rỉ. Nhờ giá đỡ thùng ở trung tâm của pallet, trọng tải có thể được phân phối, và nhờ đó đạt hiệu quả cao hơn. Van bi 3/4" NPT (lực giác) theo cấu hình chuẩn được lắp đặt ở ống thoát để thoát chất lỏng rò rỉ và phục vụ cho công tác. Người sử dụng được phép tháo bỏ nút ở đáy để xả hoàn toàn chất lỏng và vệ sinh pallet.



Pallet thép chống tràn

Sản phẩm	Số lượng thùng phuy 200 L	Dung tích (Gal/L)	Trọng tải khối lượng (kg)	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Công tác xe nâng	Mẫu
Pallet thép chống tràn (2 thùng)	2	48/180	2000	36x125x70	Công tác 2 hướng	SPM202
Pallet thép chống tràn (4 thùng)	4	92/350	3500	36x125x125	Công tác 4 hướng	SPM204
Pallet thép chống tràn (có xe đẩy)	2	48/180	1500	102x125x70	Không	SPM222

Pallet thép chống tràn cho IBC (Container vận chuyển chất lỏng loại trung)

Sản phẩm	Số lượng IBC	Dung tích (Gal/L)	Trọng tải khối lượng (kg)	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Công tác xe nâng	Mẫu
Pallet thép chống tràn cho IBC	1	317/1200	3500	79x136x130	Công tác 4 hướng	SPM112

Phụ kiện kiểm soát tràn đổ



Phụ kiện kiểm soát tràn đổ

Sản phẩm	Dùng cho loại pallet	Công dụng sản phẩm	Trọng tải khối lượng (kg)	Kích thước bên ngoài (H x W x D (cm))	Mẫu
Dốc của pallet nhựa poly chống tràn	SPP102 SPP104	Dốc hỗ trợ cho pallet chống tràn để giúp việc xử lý vật cồng kềnh dễ dàng hơn	454	30x120x80	SPP001
Dốc của sàn nhựa poly chống tràn	SPP101 SPP103	Thiết kế dành riêng cho sàn chống tràn. Các móc kim loại chịu lực móc chắc chắn đóc vào với sàn. Dốc làm nhiệm vụ tạo đường lên xuống thuận tiện để giao các loại container và thùng phuy.	454	15x120x80	SPP012
Xe đẩy của sàn nhựa poly chống tràn cho 2 thùng	SPP101	Bù đắp lại khuyết điểm của các loại sàn chống tràn không thể xử lý bằng xe nâng, cho phép linh hoạt hơn trong khâu vận chuyển và giao thùng phuy dầu/hóa chất.	1500	102x131x63	SPP013



Màu trắng

* Chuyên dụng cho thấm hút dầu, không dùng cho nước.



Màu vàng

* Chuyên dụng cho thấm hút các dung dịch có tính acid hoặc ăn mòn, hoặc các chất lỏng nguy hại chưa biết khác (cả dầu và dung dịch).



Màu xám

* Loại đa dụng, có khả năng thấm hút cả dầu và nước.



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHO THIẾT BỊ XỬ LÝ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP TRÀN ĐỔ

1. Các nguồn gốc tràn đổ và đánh giá rủi ro

Tìm kiếm nguồn gốc tràn đổ và xác định độ nguy hại của vật liệu bị tràn đổ: Đánh giá rủi ro rò rỉ dựa trên nhân hóa chất và Hồ sơ thông tin an toàn vật liệu (MSDS) của vật liệu bị đổ (bao gồm các loại: chất dễ cháy, chất nổ, chất dễ phản ứng, chất độc, v.v.)



2. Chuẩn bị Trang bị bảo hộ cá nhân (PPE)

Tại hiện trường xử lý tràn đổ, bạn nên mặc các trang bị bảo hộ cá nhân cần thiết (bao gồm quần áo bảo hộ, thiết bị thở, găng tay, kính, giày chịu hóa chất, v.v.). Nếu bạn không thể xác định được nguồn gốc của vật liệu tràn đổ, bạn nên cân nhắc khả năng trường hợp hậu quả nghiêm trọng nhất có thể xảy ra để chuẩn bị PPE cần thiết cho trường hợp hậu quả nghiêm trọng nhất cũng như để xử lý sự cố tràn đổ một cách an toàn.



3. Ngăn chặn và kiểm soát tràn đổ

Kiểm soát sự tràn đổ, bằng cách đóng các van hạn chế hoặc thực hiện các biện pháp phù hợp khác. Nếu là sự cố tràn đổ thùng chứa, lưu ý rằng nên để lại thùng chứa về vị trí thẳng đứng.



4. Xử lý tràn đổ

Đánh giá mức tràn đổ. Sau khi kiểm soát khu vực tràn đổ, sử dụng các bộ dụng cụ xử lý tràn đổ SYSBEL phù hợp một cách kịp thời. Các tấm thấm hút theo gói được sử dụng cho tràn đổ quy mô nhỏ. Phao thấm hút dùng để thấm chất lỏng tràn đổ, các phao quay tròn xếp chồng để kiểm soát phạm vi rò rỉ, còn các phao và gói thấm hóa chất có thể sử dụng để xử lý sự cố rò rỉ quy mô lớn. Các vật liệu thấm và vật liệu nguy hại sau khi được xử lý phải được chuyển đúng quy định vào các túi chịu hóa chất hoặc niêm phong trong thùng chứa rác thải nguy hại. Theo yêu quy định địa phương, các thùng này sẽ được chuyển đến cơ sở xử lý chất thải chuyên nghiệp để được xử lý đặc biệt.



5. Triệt tiêu ô nhiễm

Vệ sinh trang bị bảo hộ cá nhân để phòng tránh ô nhiễm gián tiếp



6. Báo cáo xử lý tràn đổ

Lập báo cáo xử lý tràn đổ và gửi báo cáo cho quản lý cấp trên



Xử lý khẩn cấp đối với tràn đổ hóa chất Dụng cụ thấm

Dụng cụ thấm của SYSBEL (tấm, phao và gói) với chất liệu vải melt-blown polypropylene (MBPP) với các đặc điểm tỉ lệ thấm hút cao, tốc độ thấm hút nhanh chóng, tác động dọn sạch hiệu quả, không phản ứng với hóa chất phân cực, độc hay nguy hại, và rất an toàn khi sử dụng, không gây tổn hại đối với sức khỏe con người. Giúp cho việc tiêu hủy chất thải không hề tốn kém, và việc dọn dẹp chất lỏng tràn đổ trở nên dễ dàng. Là một trợ thủ đặc lực cho bạn khi dọn dẹp nơi làm việc!



Loại	Sản phẩm	Số bộ phận	Số lượng bán (mỗi hộp)	Kích thước (cm) & chi tiết kỹ thuật	Kích thước đóng gói H*W*D/cm	Khả năng thấm mỗi cái (Gal/L)
Tấm thấm hóa chất	Tấm thấm dầu	OP0001W	100 tấm	50x40 (LxW), nhẹ, có lỗ	23x52x42	16/60
	Tấm thấm vật liệu nguy hại	CP0001Y				
	Tấm thấm đa dụng	UP0001G				
	Tấm thấm dầu	OP0002W		50x40 (LxW), nặng, có lỗ	42x52x42	32/120
	Tấm thấm vật liệu nguy hại	CP0002Y				
	Tấm thấm đa dụng	UP0002G				
Phao thấm hóa chất	Phao thấm dầu	OS0001W	12 phao	7.6x120 (ĐKxL)	30x52x42	15/57
	Phao thấm vật liệu nguy hại	CS0001Y				
	Phao thấm đa dụng	US0001G				
Gói thấm hóa chất	Gói thấm dầu	SOP001	10 gói	45x45x5 (LxWxH)	50x45x45	20/75
	Gói thấm vật liệu nguy hại	SCP001				
	Gói thấm đa dụng	SUP001				
Cuộn thấm hóa chất	Cuộn thấm dầu	SOR001	1 cuộn	5000x40(LxW; có lỗ theo mỗi cm chiều dài, nhẹ)	42x38x38	16/60
	Cuộn thấm vật liệu nguy hại	SCR001				
	Cuộn thấm đa dụng	SUR001				
	Cuộn thấm dầu	SOR002	1 cuộn	5000x40(LxW; có lỗ theo mỗi cm chiều dài, nặng)	42x55x55	32/120
	Cuộn thấm vật liệu nguy hại	SCR002				
	Cuộn thấm đa dụng	SUR002				
Thấm hút hóa chất 1 mặt nhựa	Tấm thấm dầu 1 mặt nhựa	OM0001W	100 tấm	50x40 (LxW)	30x52x42	24/9
	Tấm thấm vật liệu nguy hại 1 mặt nhựa	CM0001Y				
	Tấm thấm đa dụng 1 mặt nhựa	UM0001G				
Phao quây thấm hóa chất	Phao quây thấm dầu	OB0001W	4 phao	12.7x300 (ĐKxL)	50x55x55	24/90
	Phao quây thấm vật liệu nguy hại	CB0001Y				
	Phao quây thấm đa dụng	UB0001G				
Thấm đặt nắp thùng	Thấm đặt nắp thùng dầu	DOP001	25 cái	55 (ĐK)	14x56x56	7/27
	Thấm đặt nắp thùng vật liệu nguy hại	DCP001				
	Thấm đặt nắp thùng đa dụng	DUP001				

Thùng chứa rác thải nguy hại

Sản phẩm này được sử dụng làm phương tiện lưu trữ và vận chuyển tạm thời cho rác thải nguy hại (các chất dễ cháy, ăn mòn hoặc độc) và được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động đóng gói phụ, vận chuyển, chuyển giao, xử lý tràn đổ, v.v. Thùng được sản xuất bằng kỹ thuật đúc khuôn xoay 1 lần và có thể đạt mức bảo vệ chống tràn đổ 100%. Thùng cũng có độ bền cao. Polyethylene có khả năng chống chịu tia UV, ăn mòn và hầu hết mọi loại hóa chất. Thùng dùng cho xử lý trường hợp khẩn cấp có thể được xếp chồng lên nhau để giảm diện tích lưu trữ và chi phí vận chuyển.



SYD950

SYD200

Xe đẩy thép cho thùng chứa rác thải nguy hại

Thùng chứa rác thải nguy hại 95Gal có thể khá nặng trong quá trình xử lý sự cố tràn đổ hóa chất. Để cải thiện khả năng di chuyển, có thể sử dụng các đường ray trượt linh động. Hai bánh lái đa dụng có thể được gắn vào mọi lúc mọi nơi để ngăn ngừa ngã thùng trong quá trình công tác.

Lưu ý: Khuyến cáo chỉ sử dụng thanh ray cho thùng có kèm với bộ xử lý tràn đổ.



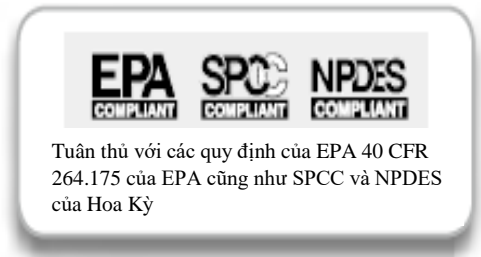
SYD001

Thùng chứa rác thải nguy hại

Sản phẩm	Thể tích (Gal/L)	Trọng tải (kg)	Đường kính nóc		Đường kính đáy		Chiều cao		Kích thước bên ngoài (H*D/cm)	Mẫu
			Bên ngoài	Bên trong	Bên ngoài	Bên trong	Bên ngoài	Bên trong		
Thùng chứa rác thải nguy hại (95Gal)	95/360	292.5	78.5	72.5	64.5	62.5	104	97	104x78.5	SYD950
Thùng chứa rác thải nguy hại (20Gal)	20/75.7	60	57	51	48	45	60.5	58	60.5x57	SYD200

Bộ xử lý tràn với thùng 95 Gal

Có đa dạng các loại vật liệu thấm hút, giúp bạn nhanh chóng ứng phó với các tình huống bất ngờ và có thể cô lập chất thải nguy hiểm và chất độc bằng thùng chống tràn để phòng chống hiểm họa rò rỉ gián tiếp. Đặc biệt thích hợp cho các sự cố tràn đổ quy mô lớn.



SYK952 (Chuyên dụng cho dầu)



SYK951 (Chuyên dụng cho hóa chất)



SYK950 (Đa dụng)

Bộ xử lý tràn với thùng 95 Gal

Thể tích chống tràn (Gal/L): 80/302

1 thùng chứa rác thải nguy hại 95 Gal, 125 tấm thấm 50 cm x 40 cm, 24 phao thấm 7.6 cm x 120 cm, 15 gói thấm 45 cm x 45 cm, 10 túi đồ vật liệu nguy hại, 10 dây thùng, 1 cặp kính chụp an toàn Ra-x-9202, 1 đôi găng tay an toàn, 1 sách hướng dẫn sử dụng, tổng khối lượng (kg): 41

Thùng chứa rác thải nguy hại nhựa 65-gallon có bánh xe

Thùng chứa rác thải nguy hại nhựa 65-gallon có bánh xe SYSBEL là một loại thùng chứa đặc biệt thích hợp cho lưu trữ và vận chuyển tạm thời cho rác thải nguy hại. Được sử dụng rộng rãi trong các hoạt động đóng gói phụ, vận chuyển, và xử lý tràn đổ để tiêu hủy vật liệu nguy hại và ngăn ngừa nguy cơ rò rỉ gián tiếp. Các bánh xe lắp sẵn cho phép không phải phụ thuộc vào xe đẩy hay cá loại phương tiện vận chuyển khác. Cung cấp cho bạn giải pháp an toàn hiệu quả nhất với giá thành rẻ nhất.



SYD650



SYK652 (Chuyên dụng cho dầu)



SYK651 (Chuyên dụng cho hóa chất)



SYK650 (Đa dụng)

Thùng chứa rác thải nguy hại nhựa 65-gallon có bánh xe	Thể tích chống tràn (Gal/L): 60/228							
	1 thùng chứa rác thải nguy hại nhựa có bánh xe 65 Gal, 125 tấm thấm 50 cm x 40 cm, 20 phao thấm 7.6 cm x 120 cm, 10 gói thấm 45 cm x 45 cm, 10 túi đồ vật liệu nguy hại, 10 dây thùng, 1 cặp kính chụp an toàn RaX-9202, 1 đôi găng tay an toàn, 1 sách hướng dẫn sử dụng, tổng khối lượng (kg): 25.5							
Thùng chứa rác thải nguy hại								
Vật liệu	Thể tích (Gal/L)	Kích thước bên ngoài (H*D*W/cm)	Khoảng cách từ tay cầm tới sàn (cm)	Đường kính bên ngoài tối đa	Đường kính miệng	Trọng tải (kg)	Chứng nhận	Mẫu
Poplyethylene	65/246	117*71*78.5	96.5	71	62.5	300	CE	SYD650

Bộ xử lý tràn đổ di động

Bộ xử lý tràn đổ di động, trang bị với đa dạng các loại vật liệu thấm hút, giúp bạn nhanh chóng ứng phó với các tình huống bất ngờ. Thùng chứa có bánh xe giúp bạn đưa vật liệu thấm chuyên dụng của SYSBEL tới mọi góc ngách trong nhà máy, để xử lý với mọi sự cố tràn đổ hay xử lý nước thải tại nhà máy, thích hợp cho sự cố tràn đổ quy mô vừa.



SKIT002W (Chuyên dụng cho dầu)



SKIT002Y (Chuyên dụng cho hóa chất)



SKIT002G (Đa dụng)

Bộ xử lý tràn đổ di động	Thể tích chống tràn (Gal/L): 45/170							
	1 thùng 240-gallon, 100 tấm thấm 50 cm x 40 cm, 12 phao thấm 7.6 cm x 120 cm, 5 gói thấm 45 cm x 45 cm, 5 túi đồ vật liệu nguy hại, 5 dây thùng, 1 cặp kính chụp an toàn RaX-9202, 1 đôi găng tay an toàn, 1 sách hướng dẫn sử dụng, tổng khối lượng (kg): 24.1							

Bộ xử lý tràn với thùng 20 Gal

Trang bị với đa dạng các loại vật liệu thấm hút, giúp bạn nhanh chóng ứng phó với các tình huống bất ngờ, có khả năng cách ly chất thải nguy hại và chất gây ô nhiễm với các thùng chống tràn đổ giúp ngăn ngừa hiểm họa rò rỉ gián tiếp, thích hợp cho tràn đổ quy mô lớn.



SYK202 (Chuyên dụng cho dầu)



SYK201 (Chuyên dụng cho hóa chất)



SYK200 (Đa dụng)

Bộ xử lý tràn với thùng 20 Gal	Thể tích chống tràn (Gal/L): 21.5/81
	1 thùng chứa rác thải nguy hại 20 Gal, 25 tấm thấm 50 cm x 40 cm, 6 phao thấm 7.6 cm x 120 cm, 5 gói thấm 45 cm x 45 cm, 3 túi đồ vật liệu nguy hại, 3 dây thùng, 1 cặp kính chụp an toàn Ra×-9202, 1 đôi găng tay an toàn, 1 sách hướng dẫn sử dụng, tổng khối lượng (kg): 11.3

Bộ xử lý tràn xách tay

Linh hoạt, có thể xách tay được, thích hợp cho sự cố rò rỉ nhỏ.



SKIT001W (Chuyên dụng cho dầu)



SKIT001Y (Chuyên dụng cho hóa chất)



SKIT001G (Đa dụng)

Bộ xử lý tràn xách tay	Thể tích chống tràn (Gal/L): 11.5/43.5
	1 túi xách tay, 25 tấm thấm 50 cm x 40 cm, 6 phao thấm 7.6 cm x 120 cm, 1 túi đồ vật liệu nguy hại, 1 dây thùng, 1 cặp kính chụp an toàn Ra×-9202, 1 đôi găng tay an toàn, 1 sách hướng dẫn sử dụng, tổng khối lượng (kg): 2.75

Thay thế dụng cụ cho các bộ xử lý tràn đổ

Việc ứng phó trường hợp khẩn cấp có thể được thực hiện bằng cách sử dụng các loại vật liệu thấm hút khác nhau, mà không cần phải mua thùng chứa rác thải nguy hại mới. Sản phẩm có thể được sử dụng trực tiếp cùng với gói dụng cụ đang có để cách ly rác thải nguy hại và chất gây ô nhiễm một cách nhanh chóng và hiệu quả.



SKIT001W (Chuyên dụng cho dầu)



SKIT001Y (Chuyên dụng cho hóa chất)



SKIT001G (Đa dụng)



Thay thế dụng cụ cho các bộ xử lý tràn đổ	Thể tích chống tràn (Gal/L): 10/38
	20 tấm thấm 50 cm x 40 cm, 2 phao thấm 7.6 cm x 120 cm, 2 gói thấm 45 cm x 45 cm, 2 túi lớn đựng đồ vật liệu nguy hại, 2 túi vừa đựng đồ vật liệu nguy hại, 1 dây thùng, 1 cặp kính chụp an toàn Ra×-9202, 1 đôi găng tay an toàn, 1 sách hướng dẫn sử dụng, tổng khối lượng (kg): 4.5

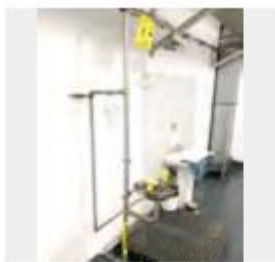


Hệ thống An toàn Phòng thí nghiệm

Bồn rửa mắt **SYSBEL** tuân thủ với tiêu chuẩn ANSI Z358.1-2014 và đã được kiểm nghiệm và phê chuẩn bởi CSA (Hiệp hội Tiêu chuẩn Canada). Là một thiết bị bảo hộ an toàn khẩn cấp, dòng sản phẩm trạm rửa mắt được sử dụng để xả các bộ phận cơ thể bắn chất hóa học và các loại chất khác, như cơ thể, mặt hay mắt, để giảm thiểu thương tích gây ra bởi chất hóa học một cách hiệu quả, giúp thực hiện sơ cứu bản thân nhanh chóng và tiết kiệm thời gian cho các biện pháp điều trị chuyên nghiệp tiếp theo.



Giải pháp tổng thể cho Quản lý khủng hoảng



* Xin vui lòng liên hệ với SYSBEL để có thêm các giải pháp

Pallet chống tràn đổ cho phòng thí nghiệm

1. Trang bị đáy chứa cặn giúp hứng hóa chất bị rò rỉ, rơi rớt, tràn đổ để giữ cho khu vực lưu trữ của bạn được sạch sẽ, an toàn. Đã được kiểm nghiệm 100% không rò rỉ.
2. Được cấu tạo từ vật liệu nhựa propenepolymer bền có khả năng chống chịu tia UV, gi, ăn mòn và hầu hết các loại hóa chất.
3. Sử dụng làm bảng thí nghiệm để ngăn bàn thí nghiệm khỏi bị ô nhiễm.
4. Được sử dụng làm vật chứa lớp 2 để giữ các hóa chất ăn mòn và được đặt trong các tủ đựng an toàn để lưu trữ và vận chuyển số lượng lớn.
5. Đặt bên dưới bảng thí nghiệm để tăng thể tích bảo vệ chống rò rỉ và giúp việc dọn dẹp dễ dàng hơn.
6. Có các lỗ trên bề mặt, cho phép có thể sử dụng làm giá ống nghiệm để đề phòng thiệt hại thiết bị thủy tinh do thao tác sai.
7. Các bộ phận của bề mặt có thể được kết hợp và ghép với nhau để vừa với không gian.
8. CŨNG có thể dùng làm vật chứa lớp 2 nếu không có lưới.
9. Thành màu trắng mờ cho phép dễ dàng kiểm tra bằng mắt thường.
10. Tuân thủ các tiêu chuẩn EPA 40 CFR 264.175 và NPDES.



Ứng dụng
cho từ 12 Gal
trở lên



Thiết kế cấu
trúc module
cho phép bạn
gắn các pallet
với nhau



Tạm thời đặt
ống nghiệm
trong ô có
đường kính
dưới 16 mm



Pallet chống tràn đổ cho phòng thí nghiệm

Nguyên liệu	Kích thước sản phẩm (H *W*D/cm)	Kích thước đóng gói (H *W*D/cm)	Trọng tải (kg)	Dung tích đáy chứa cặn (Gal/L)	Khối lượng tĩnh (kg)	Khối lượng tổng (Kg)	Mẫu
PP	49x36x10	50x37x11	15	13/3.5	2.2	3.0	SPL001

Thùng rác thải sinh học nguy hại SYSBEL

Cảm ơn bạn vì đã sử dụng sản phẩm của chúng tôi. Là một công ty chuyên về chăm lo an toàn cho người lao động và bảo vệ môi trường, SYSBEL cung cấp các sản phẩm chất lượng cao để bảo đảm an toàn cho môi trường làm việc và nhân sự của bạn.

- Làm từ polyethylene (PE) – chất liệu có khả năng chống chịu hầu hết mọi loại hợp chất hóa học.
- Thiết kế nguyên khối, đúc thổi không có các khe nối để phát triển thành điểm rò rỉ.
- Nắp đóng tự động giữ cho thùng đóng khi không sử dụng.
- Quai xách lồi ra giúp di chuyển dễ dàng từ trạm công tác này đến trạm công tác khác.
- Có bàn đạp chân để mở nắp đến 60-độ (tối đa) cho phép sử dụng thùng mà không cần dùng tay.
- Có nhãn để dễ dàng nhận dạng.
- Tuân thủ với tiêu chuẩn OSHA29 CFR910.106&1910.144 và UL.
- Sử dụng để chứa các loại rác thải rắn nguy hại nhất.
- Rác thải có chứa trong túi đựng vật liệu nguy hại hay không đều được.
- Nghiêm cấm chứa một số chất hóa học không tương thích với polyethylene. Xin vui lòng tham khảo Hồ sơ Dữ liệu an toàn vật liệu (MSDS).
- Cầm cả hai bên quai và giữ cân bằng khi vận chuyển.
- Nên sử dụng thùng chứa rác thải dính dầu SYSBEL cho rác thải cháy được.
- Không được để đồ lên nắp thùng.



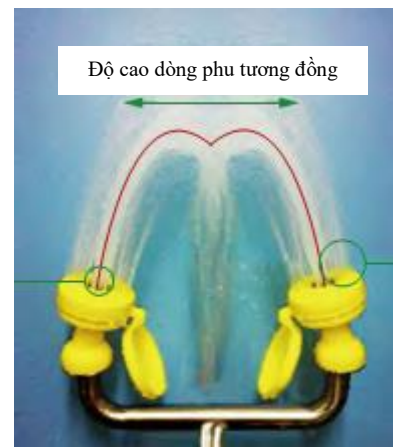
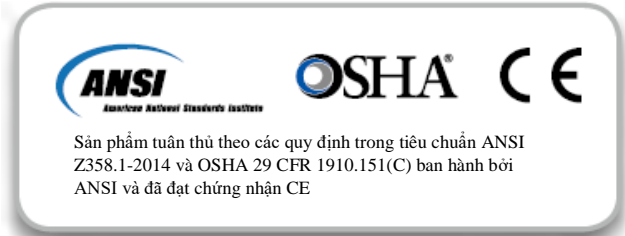
Thùng rác thải sinh học nguy hại

Bộ phận số	Dung tích (Gal/L)	Kích thước đóng gói (H x W x D (cm))	Khối lượng tổng	Chứng nhận
WA8109200	6/22.7	38x38x42	4 kg	CE
WA8109600	14/53	50x48x53	6 kg	CE

Bồn rửa mắt/rửa mặt

Mẫu vòi phun mới của SYSBEL kết hợp giữa bộ thổi khí truyền thống và đầu xịt có lỗ. Điểm vận tốc không mang đến cảm giác thoải mái hơn và khả năng điều khiển cho việc rửa sạch chất độc hại khỏi mặt và mắt đạt hiệu quả hơn với dòng nước êm nhẹ cho rửa mặt và các dòng rửa mặt điều chỉnh góc độc lập để đảm bảo độ bao phủ tối ưu. Dòng sản phẩm này tuân thủ hoàn toàn với ANSI Z358.1-2014 và AS 4775-2007 và đã được kiểm nghiệm và phê chuẩn bởi CSA.

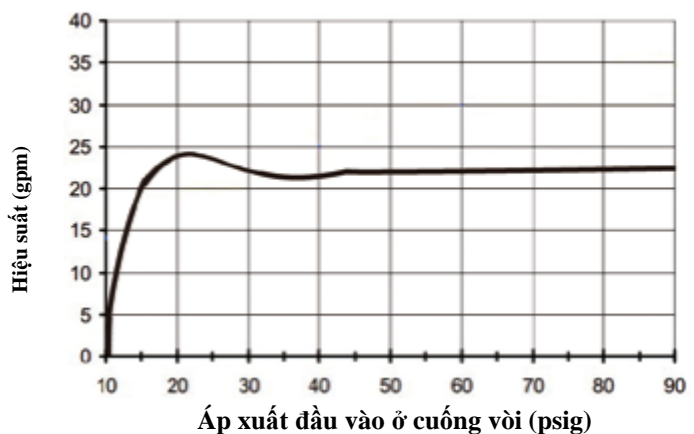
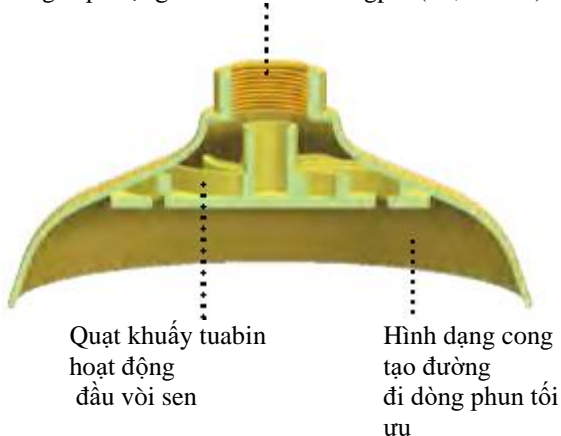
- Sử dụng thiết kế đầu vòi phun độc đáo. Có thể duy trì độ cao tương đồng ở mức áp lực nước nhận định, để tránh gây ra rào cản hoạt động do áp lực nước.
- Đầu phun có thể được sử dụng để phun 2 loại nước cùng một lúc, với độ cao tương đương. Dòng nước phun đều đặn và tương đồng nhau nhờ bộ giới hạn dòng chảy được lắp đặt sẵn.
- Bộ thổi khí có lỗ đồng xu có thể dễ dàng tháo lắp, nhờ đó cũng đơn giản cho việc vệ sinh và bảo trì.
- Nắp che chống bụi có thể bảo vệ đầu vòi khỏi bị nhiễm bẩn do bụi trong không khí. Khi quy trình rửa mắt bắt đầu, nắp chống bụi sẽ được mở ra tự động do dòng nước đẩy ra..
- đai ốc đồng được lắp trước vào đế của vòi phun 304SS và nối với khuỷu, với độ chắc đủ để cho phép tháo lắp nhiều lần và đảm bảo thời gian sử dụng lâu dài.
- Vòi phun làm từ nhựa kỹ thuật AES ưu việt hơn so với nhựa kỹ thuật ABS, và có các tính năng tuyệt vời như chống chịu thời tiết, độ chắc cao, kháng ăn mòn, kháng UV, v.v
- Các phụ tùng chính và phụ tùng khác được làm từ thép không gỉ 340 và có thể sử dụng cho môi trường làm việc bất lợi.
- Đầu nối nhanh có trang bị đầu lọc trong để ngăn không cho vận liệu vụn hoặc tạp chất chảy vào đầu vòi phun, tránh gây tổn thương gián tiếp cho mắt. Đồng thời, đầu nối cũng rất dễ dàng vận hành, nhờ đó giúp có thể thực hiện vệ sinh và bảo trì thường xuyên.
- Dòng sản phẩm bồn rửa mắt/rửa mặt tuân thủ hoàn toàn với ANSI Z358.1-2014 và AS 4775-2007 và đã được kiểm nghiệm và phê chuẩn bởi CSA



Đầu vòi sen

Vòi sen an toàn SYSBEL tạo dòng nước dạng nón và đem lại lượng nước lớn nhưng nhẹ nhàng giúp khử độc hoàn toàn và không gây hại cho da. Sản phẩm đảm bảo loại bỏ chất độc nhanh và hiệu quả nhất trong tình huống khẩn cấp. Dụng cụ tắm tuân thủ với tiêu chuẩn ANSI Z358.1-2014 và được chấp thuận bởi CSA.

Bộ điều tiết dòng chảy ở ống treo cung cấp lượng nước tối thiểu 20 gpm (75,7 LPM)



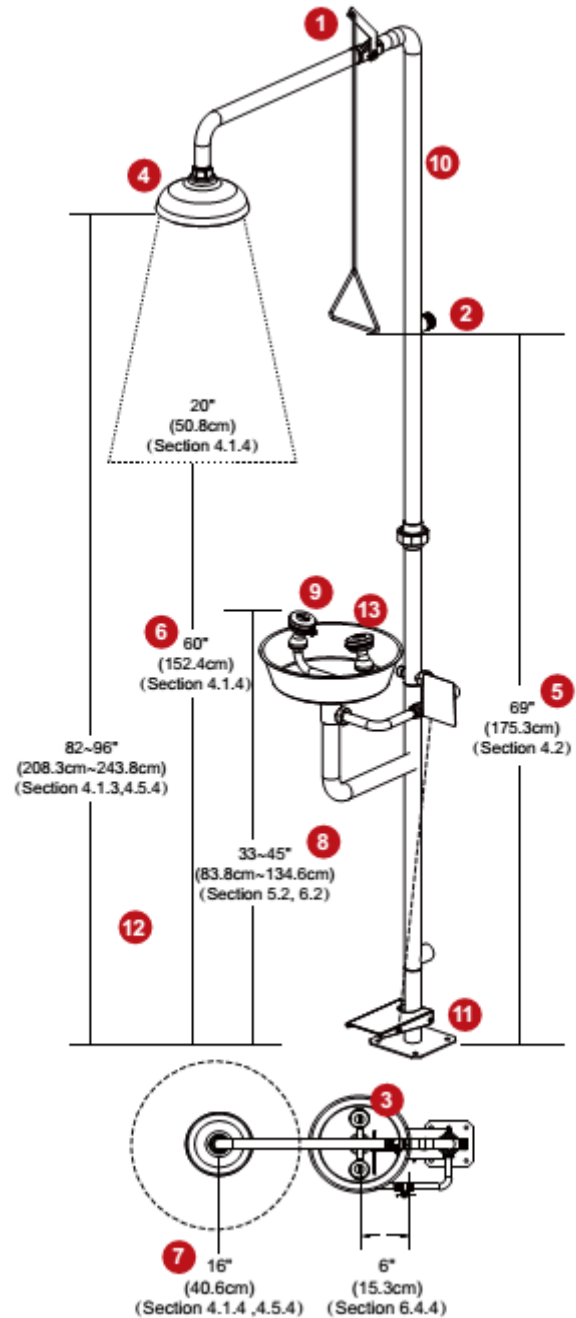
LƯU Ý:

Đầu vòi phun có trang bị bộ điều tiết dòng chảy (đảm bảo vượt lưu lượng tối thiểu 20 GPM (75.7 LPM) ở áp suất 30 PSI (2.0) bar trong ống treo vòi, không chỉ giúp cung cấp lượng nước xả đầy đủ và ổn định, mà còn giúp tiết kiệm nước và khử độc cho người dùng hiệu quả hơn.



Hướng dẫn tuân thủ ngắn gọn Bộ rửa kết hợp

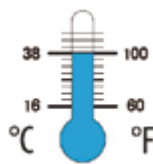
1. Cơ chế van được kích hoạt sau 1 giây hoặc ngắn hơn và van được giữ mở cho đến khi được ngắt bằng tay (Mục 4.2, 5.2, 6.1.4, 6.2)
2. Được kết nối với một hệ thống có khả năng cung cấp đủ dung dịch xả trong khi tắt cả các bộ phận cùng đồng thời hoạt động (Mục 4.5.5, 7.4.4)
3. Độ cao của đường đi cột nước xả phải trong khoảng từ 82"(208.3cm) đến 96"(243.8cm) so với mặt sàn (Mục 4.1.3, 4.5.4)
4. Nguồn nước phải đủ cung cấp ít nhất 20GPM(75.7LPM) trong vòng 15 phút (Mục 4.1.2,4.5.5)
5. Bộ phận kích hoạt van không được cao quá 175.3cm(69") so với mặt sàn (Mục 4.2)
6. Bán kính vòi sen tối thiểu là 50.8cm(20") và ở độ cao 152.4cm(60") so với sàn (Mục 4.1.4)
7. Tâm của hình dạng đường đi nước xả phải cách ít nhất 16"(40.6cm) so với tất cả các vật cản.
8. Đường đi của dòng nước phải được định vị ở khoảng từ 33"(83.8cm) đến 53"(134.6cm) so với mặt bằng chỗ người sử dụng đứng và cách tối thiểu 6"(15.3cm) so với tường hoặc vật cản gần nhất (Mục 5.4.4, 6.4.4)
9. Có khả năng cung cấp nước ở lưu lượng ít nhất 3.0 gallon (11.4 lít) nước trên phút trong vòng 15 phút (Mục 6.1.6,6.4.5)
10. Cấu tạo từ vật liệu không bị ăn mòn bởi dung dịch xả (Mục 7.1.1, 7.1.2, 7.1.3)
11. Đặt cách tối thiểu 10 giây hoặc 55 feet so với các vật liệu nguy hiểm. Đặt trong cùng độ cao với vật liệu nguy hiểm và không có vật cản. (Mục 7.4.2, B5)
12. Bản vệ đầu phun khỏi nhiễm độc do không khí. Nắm chống bụi phải được mở ngay lập tức bởi dòng nước (Mục 5.1.3,6.1.3)
13. Cung cấp dung dịch xả cùng lúc cho cả mắt và mặt và với vận tốc đủ thấp để không gây tổn thương da (Mục 5.1.1,6.1.1)



1. Nước cung cấp bởi bộ rửa kết hợp phải ở nhiệt độ ấm (60-100°F/16-38°C) (Mục 4.5.6,5.4.6,6.4.6,B6)

2. Bộ rửa kết hợp có yêu cầu xả trong 15 phút phải cung cấp nước ở lưu lượng ít nhất 3.0 gallon (11.4 lít) nước trên phút trong vòng 15 phút (Mục 7.4.5,B6)

3. Nhận dạng
Đặt ở vị trí được xác định bằng biển báo dễ dàng nhìn thấy được, khu vực xung quanh điêm lắp vòi phải được chiếu sáng đầy đủ (Mục 7. 4. 3)



4. Huấn luyện
Hướng dẫn cho tất cả các nhân viên có thể phải tiếp xúc với các vật liệu độc hại về địa điểm đặt và cách sử dụng đầy đủ của vòi rửa trường hợp khẩn cấp (Mục 7.5.4)

5. Kích hoạt hàng tuần & Kiểm tra hàng năm
Kích hoạt bộ rửa kết hợp ít nhất 1 tuần 1 lần và tiến hành kiểm tra hàng năm để bảo đảm tuân thủ với các điều kiện của ANSI-Z358.1 (Phụ chương B2)a

6. Nên sử dụng nguồn nước xả có áp lực dòng chảy khoảng 210kPa(30psi) (Phụ chưa B2)



30psi = 210kPa

Bồn rửa mắt xách tay

* Sử dụng vật liệu PE và các vật liệu sản xuất tuân thủ quy định của F.D.A về hạng của vật liệu PE dùng cho thực phẩm (Quy định F.D.A về Polypropylene, yêu cầu của U.S.21 CFR F.D.A. Phần quy định 177.1520, khoản về vật chứa lưu động (C) có sử dụng tiếp xúc với thức ăn. Sản phẩm có cường độ vượt trội, độ bền cao, độ chắc chắn tốt, có khả năng chịu nhiệt, chịu lạnh.

* Tuân thủ với các quy tắc về thiết kế cho con người, sử dụng quy luật của trọng lực để tạo áp suất nước và đẩy nước qua 2 đầu vòi phun rửa mắt.

* Áp dụng đối với các địa điểm công tác không có nguồn nước hay cơ sở hạ tầng xả và có thể được lắp lên tường nếu cần thiết để cung cấp sự bảo vệ kịp thời và chuyên nghiệp.

* Tuân thủ với các quy định của ANSI/ISEA đối với bồn rửa mắt khẩn cấp và thiết bị tắm ANSI Z358.1-2014

* Nên xả nước trong bồn rửa mắt 2-4 tuần 1 lần và vệ sinh các bộ phận của bồn



Bồn rửa mắt xách tay có xe đẩy

* Gồm bộ WG6000A và xe đẩy có thùng hứng nước thải

* sử dụng quy luật của trọng lực để tạo áp suất nước và đẩy nước qua 2 đầu vòi phun rửa mắt

* Áp dụng đối với các địa điểm công tác không có nguồn nước hay cơ sở hạ tầng xả, không cần phải lắp đặt. Xe đẩy được trang bị để cung cấp sự bảo vệ chuyên nghiệp cơ động và tiện lợi; sản phẩm cũng có thể được lắp đặt lên tường.

* Tuân thủ với các quy định của ANSI/ISEA về bồn rửa mắt khẩn cấp và thiết bị tắm ANSI Z358.1-2014

Bồn rửa mắt xách tay

Sản phẩm	Vật liệu chính	Dung tích nước (L/Gal)	Tốc độ chảy (L/phút)	Thời gian xả (phút)	Kích thước bên ngoài HxWxD (mm)	KL tổng (kg)	KL tịnh (kg)	Chứng nhận	Mẫu
Loại A	PE	60/16	2.6	18	436×750×435	9.5	8.5	ANSI Z358.1 AS 4775 CE	WG6000A
Loại B		30/8	2.6	9	357×635×360	7	6		WG6000B

Phụ kiện

Sản phẩm	Vật liệu chính	Dung tích nước (L/Gal)	Kích thước bên ngoài H x W x D (cm)	KL tổng (kg)	KL tịnh (kg)	Mẫu
Xe đẩy bồn rửa mắt	Thép	-	210×665×525	25	24	WG004

Bồn rửa mắt xách tay có xe đẩy

Sản phẩm	Vật liệu chính	Dung tích nước (L/Gal)	Tốc độ chảy (L/phút)	Thời gian xả (phút)	Bộ sản phẩm	KL tổng (kg)	KL tịnh (kg)	Chứng nhận	Mẫu
Loại A	PE	60/16	2.6	18	WG6000A+WG004 +WG6001D	38	35.3	ANSI Z358.1 AS 4775 CE	WG6000AC
Loại B		30/8	2.6	9	WG6000B+WG004 +WG6001D	35.5	32.8		WG6000BC



Bồn rửa mắt lưu động có xe đựng chất thải

- Xe đựng chất thải lưu động giúp tăng cường khả năng lưu động của tổ hợp và cũng giúp hứng nước thải
- Kết hợp hoàn hảo với WG6000A và WG6000B
- Sau khi lắp lên xe, các đầu vòi phun sẽ được đặt cách khoảng 83.8-134.6cm so với mặt đất, đạt tiêu chuẩn ANSI Z358.1-2014
- Màu vàng đặc trưng giúp dễ nhận diện, cấu tạo polyethylene ráp phù hợp cho sử dụng lâu dài trong các môi trường khắc nghiệt.
- Tay đẩy lắp sẵn giúp cho việc di chuyển dễ dàng hơn, nhờ đó sử dụng rất hữu hiệu cho các địa điểm ở xa.
- Có van xả ở đáy giúp xả nước dễ dàng.
- Được trang bị 2 bánh xe chắc chắn phía trước và 2 bánh xe xoay có phanh "Khóa hoàn toàn" phía sau
- Có in dấu hiệu bồn rửa mắt rõ ràng.
- Xe có dung tích 37.5-gallon (142 lít) và kích thước 86H x61.5W x 52D (cm)

Trạm rửa mắt lưu động có xe đựng chất thải

Vật liệu chính	Dung tích nước (L/Gal)	Tốc độ chảy (L/phút)	Thời gian xả (phút)	Bộ sản phẩm	KL tổng (kg)	KL tịnh (kg)	Chứng nhận	Mẫu
Poplyethylene	60/16	2.6	18	WG6000A+WG005	27.5	26.5	ANSI Z358.1 AS 4775 CE	WG6000AD
Poplyethylene	30/8	2.6	9	WG6000B+WG005	25	24		WG6000BD

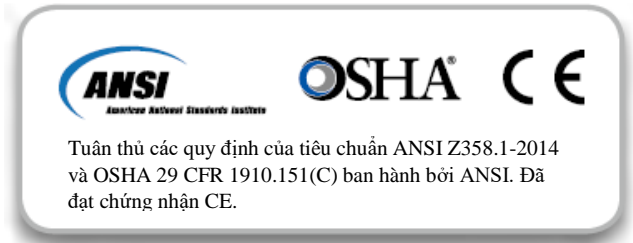
Phụ kiện

Vật liệu chính	Dung tích nước (L/Gal)	Kích thước đóng gói H*W*D (cm)	Kích thước bên ngoài H*W*D (cm)	KL tổng (kg)	KL tịnh (kg)	Mẫu
Poplyethylene	37.5/142	860×615×520	760×629×535	18	16	WG005

Vòi phun toàn thân

Bộ vòi phun WG7011R & WG7012R sử dụng để lắp sàn. Lý tưởng để rửa bất cứ bộ phận nào trên mắt, tóc hay cơ thể của người sử dụng. Theo ANSI Z358.1-2014, vòi phun toàn thân để bổ sung cho nhưng không phải để thay thế cho các loại thiết bị trường hợp khẩn cấp khác.

- * Sản phẩm đạt tiêu chuẩn đối với Bồn rửa mắt và thiết bị tắm khẩn cấp trong ANSI Z358.1-2014 và AS4775-2007
- * Đầu phun đơn hoặc đôi có thể được lắp đặt, và phải được trang bị nắp đậy chống bụi.
- * Van B bóp bằng đầu thau rèn kích hoạt bằng cần gạt nhựa. Van có chân van bằng thép không gỉ tạo độ bền đặc biệt. Van đóng khi cần gạt được thả ra.
- * 1,5 m ống PVC mềm gói bằng film PE giúp ngăn ngừa rỉ sét và rò rỉ, cùng với bộ lọc bên trong để ngăn không cho tạp chất lọt vào dòng nước.
- * Các đầu phun được lắp đặt cân đối, cung cấp dòng nước liên tục và êm ái cho mắt.
- * Bồn rửa mắt đạt lưu lượng tối thiểu 0.4GPM(1.5LPM) ở áp suất 210kPa (30psi).
- * Mặt bích gắn sàn dùng để lắp xoắn ngược. Mặt bích có chỗ để lắp bộ vòi phun



Vòi phun toàn thân

Sản phẩm	Vật liệu chính	Màu	Tốc độ chảy (L/phút)	Đầu vào & Đầu ra	Áp suất (bar)	Kích thước đóng gói L*W*H cm	KL tổng (kg)	Mẫu
Vòi phun toàn thân (đơn)	304SS	Đỏ	6	G1/2	3-6	27.4*19.6*15.6	1.4	WG7011R
Vòi phun toàn thân (đôi)	304SS	Đỏ	10	G1/2	3-6	27.4*19.6*15.6	1.6	WG7012R

Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn tường

- * Ứng dụng: Bồn rửa mắt/rửa mặt dùng để gắn tường. Bồn dẫn nước xuống cống thoát và giữ vệ sinh sàn.
- * Vật liệu: nhựa AES và thép không gỉ 304
- * Nhựa AES có tính năng chống thời tiết và có thể sử dụng trong nhà hay ngoài trời.
- * Với khả năng chống acid, chống alkali, thép không gỉ 304SS rất lý tưởng cho các môi trường khắc nghiệt.
- * Kích hoạt dễ dàng bằng cách đẩy cần gạt.
- * Bộ thổi khí vòi có lỗ đồng xu ấn giúp dễ dàng tháo lắp và vệ sinh.
- * Nắp đậy chống bụi tự động mở khi bộ bồn rửa được kích hoạt.
- * Tuân thủ ANSI Z358.1-2014 và AS 4775-2007



Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn trụ:

- * Ứng dụng: Đứng độc lập, gắn trên sàn khi không có điều kiện thích hợp để gắn tường
- * Vật liệu: nhựa AES và thép không gỉ 304
- * Nhựa AES có tính năng chống thời tiết và có thể sử dụng trong nhà hay ngoài trời.
- * Với khả năng chống acid, chống alkali, thép không gỉ 304SS rất lý tưởng cho các môi trường khắc nghiệt.
- * Kích hoạt dễ dàng bằng cách đẩy cần gạt hoặc đạp bàn đạp.
- * Bộ thổi khí vòi có lỗ đồng xu ấn giúp dễ dàng tháo lắp và vệ sinh.
- * Nắp đậy chống bụi tự động mở khi bộ bồn rửa được kích hoạt.
- * Tuân thủ ANSI Z358.1-2014 và AS 4775-2007

Bồn rửa mắt/ rửa mặt

Sản phẩm	Vật liệu chính	Bồn nước		Tốc độ dòng chảy (L/phút)	Đầu vào	Đầu ra	Áp suất KPa	Kích thước đóng gói L*W*H cm	KL tổng (kg)	KL tịnh(kg)	Chứng nhận	Mẫu
		Vật liệu	Bán kính x độ cao (cm)									
Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn tường	Thép không gỉ 304	Thép không gỉ 304	32×9.5	11.4	1/2'	1-1/4"	210kPa hoặc 2.1bar hoặc 30psi	58×36×25.5	3.1	1.9	ANSI Z358.1 AS 4775 CSA CE	WG7023
		Nhựa AES	32×9.5			1-1/4"			2.9	1.7		WG7023Y
Bồn rửa mắt/rửa mặt gắn trụ	Thép không gỉ 304	Thép không gỉ 304	32×9.5			1"	95×35×26.5	5.8	4.0	WG7033F		
		Nhựa AES	32×9.5			1"		5.6	3.8	WG7033FY		

Bộ rửa kết hợp

- Ứng dụng: Tẩy độc toàn thân nhanh chóng và hiệu quả.
- Vật liệu: Nhựa AES + Thép không gỉ 304
- Nhựa AES có tính năng chống thời tiết và có thể sử dụng trong nhà hay ngoài trời.
- Với khả năng chống acid, chống alkali, thép không gỉ 304SS rất lý tưởng cho các môi trường khắc nghiệt.
- Cần gạt có tay cầm hình tam giác giúp dễ dàng vận hành vòi sen.
- Thiết kế độ dài ống chính tương đồng giúp đóng gói gọn hơn nhờ thể tích tiết kiệm diện tích và chi phí hơn.
- Trang bị vòng đệm ở các khớp nối nhanh để ngăn ngừa rò rỉ giữa các khớp nối lắp.
- Đầu vòi sen cung cấp lượng nước xả lớn được phân bố đều theo một hình dạng đường đi chính xác và lưu lượng dòng chảy được kiểm soát.
- Kích hoạt dễ dàng bằng cách đẩy cần gạt hoặc nhấn bàn đạp chân.
- Bộ thổi khí vòi có lỗ đồng xu ấn giúp dễ dàng tháo lắp và vệ sinh.
- Nắp đậy chống bụi tự động mở khi bộ bồn rửa được kích hoạt.
- Tuân thủ ANSI Z358.1-2014 và AS 4775-2007



WG0001

Vòng gắn

- **SYSBEL** cung cấp các vòng gắn giúp cho lắp đặt trạm tắm chắc chắn hơn.



Bộ rửa kết hợp

Sản phẩm	Vật liệu chính	Tốc độ dòng chảy L/phút		Bồn nước		Vòi sen		Van		Đầu vào & đầu ra	Áp suất KPa	Kích thước đóng gói L*W*H cm	KL tổng (kg)	KL tịnh (kg)	Chứng nhận	Mẫu
		Rửa mắt/ mặt	Vòi sen	D x H/cm: 32x9.5		D x H/cm: 25.5x7.5		1/2"	1"							
				Nhựa AES	Thép không gỉ 304	Nhựa AES	Thép không gỉ 304									
Bộ rửa kết hợp	Thép không gỉ 304	11.4	75.7	✓	✓	✓	✓	✓	✓	1"	210	120x40x26.5	12.4	9.4	ANSI Z358.1 AS 4775 CSA CE	WG7053F WG7053FY

Vòi sen tắm và bồn rửa mắt khẩn cấp.

Bộ rửa kết hợp của SYSBEL (WG7054RP & WG7054RS) là một tổ hợp lắp đặt liên thông các thiết bị khẩn cấp sử dụng chung một nguồn nước xả. Vòi sen tắm khẩn cấp giúp nhanh chóng loại bỏ chất độc khỏi cơ thể trong khi bồn rửa mắt/rửa mặt xả các chất độc nguy hại và chất gây ngứa ngáy khó chịu khỏi mắt và mặt. Sử dụng hệ thống ống thép không gỉ 304, van tự động giữ mở, bồn rửa, các đầu phun bồn rửa, đầu vòi sen, v.v. Điểm vận tốc không tạo sự êm ái cao hơn và kiểm soát một cách hiệu quả việc phun nước cho mắt. Vòi sen trang bị quạt khuấy nhựa AES màu vàng sơn resin tạo thành bộ phận kiểm soát dòng chảy tích hợp. Giấy phép tiêu chuẩn được cấp cho tiêu chuẩn quốc tế ANSI Z358.1-2014 và tuân thủ với tiêu chuẩn AS4775-2007 đối với Bồn rửa mắt và thiết bị tắm khẩn cấp.



Vòi sen tắm và bồn rửa mắt khẩn cấp

Sản phẩm	Vật liệu chính	Màu	Tốc độ dòng chảy (L/phút)	Đầu vào	Đầu ra	Áp suất KPa	Kích thước đóng gói L*W*H cm	KL tổng (kg)	Mẫu
Vòi sen tắm và bồn rửa mắt khẩn cấp	Thép không gỉ 304	Đỏ	Rửa mắt: 10L/min Tắm: 80L/min	Từ 1" đến G1/2"	1"	3-6 bar	150*32*31.5	14	WG7054RP
Vòi sen tắm và bồn rửa mắt khẩn cấp	Thép không gỉ 304	Đỏ	Rửa mắt: 10L/min Tắm: 80L/min	Từ 1" đến G1/2"	1"	3-6 bar	150*32*31.5	14	WG7054RS



Sản phẩm tuân thủ các quy định của tiêu chuẩn ANSI Z358.1-2014 và OSHA 29 CFR 1910.151(C) ban hành bởi ANSI, và đã đạt chứng nhận CE.



Vòi sen tắm khẩn cấp sử dụng cấp đùn nước

Bộ rửa kết hợp của SYSBEL (WG7054RP & WG7054RS) là một tổ hợp lắp đặt liên thông các thiết bị khẩn cấp sử dụng chung một nguồn nước xả. Vòi sen tắm khẩn cấp giúp nhanh chóng loại bỏ chất độc khỏi cơ thể trong khi bồn rửa mắt/rửa mặt xả các chất độc nguy hại và chất gây ngứa ngáy khó chịu khỏi mắt và mặt. Sử dụng hệ thống ống thép không gỉ 304, van tự động giữ mở, bồn rửa, các đầu phun bồn rửa, đầu vòi sen, v.v. Điểm vận tốc không tạo sự êm ái cao hơn và kiểm soát một cách hiệu quả việc phun nước cho mắt. Vòi sen trang bị quạt khuấy nhựa AES màu vàng sơn resin tạo thành bộ phận kiểm soát dòng chảy tích hợp. Giấy phép tiêu chuẩn được cấp cho tiêu chuẩn quốc tế ANSI Z358.1-2014 và tuân thủ với tiêu chuẩn AS4775-2007 đối với Bồn rửa mắt và thiết bị tắm khẩn cấp.

Vòi sen tắm khẩn cấp sử dụng cấp đùn nước

Sản phẩm	Vật liệu chính	Màu	Tốc độ dòng chảy (L/phút)	Đầu vào	Đầu ra	Áp suất KPa	Kích thước đóng gói L*W*H cm	KL tổng (kg)	Mẫu
Vòi sen tắm và bồn rửa mắt khẩn cấp	Thép không gỉ 304	Đỏ	Rửa mắt: 10L/min Tắm: 80L/min	Từ 1" đến G1/2	1"	3-6 bar	230*70*30	48	WG7054ER



Buồng tắm khẩn cấp

Buồng tắm khẩn cấp được sản xuất theo tiêu chuẩn CE – DIN12899-UN19608. Khi hóa chất hay chất độc vấy lên người, mặt, mắt của người lao động hoặc bắt vào quần áo của người lao động, bộ thiết bị này có thể giúp giảm thiểu tối đa tổn thương. Công bảo vệ bằng nhựa mềm giúp phòng ngừa tổn thương gián tiếp do đập vào mắt khi sử dụng vòi. Đã được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế ANSI Z358.1-2014 và tuân thủ với tiêu chuẩn AS4775 – 2007 đối với Bồn rửa mắt và thiết bị tắm khẩn cấp.

Vòi sen tắm khẩn cấp sử dụng cấp đùn nước

Sản phẩm	Vật liệu chính	Màu	Tốc độ dòng chảy (L/phút)	Đầu vào	Áp suất KPa	Kích thước đóng gói L*W*H cm	KL tổng (kg)	Mẫu
Vòi sen tắm và bồn rửa mắt khẩn cấp	Thép không gỉ 304	Bạc	Rửa mắt: 10L/min Tắm: 80L/min	Từ 1" đến G1/2	3-6 bar	240*130*45	60	WG7054H

Bảng Kích thước tủ chứa an toàn SYSBEL

Loại tủ chứa an toàn	Màu sắc phân loại	Dung tích (Gal)	Dung tích (L)	Kích thước tổng	Kích thước bên trong	Số lượng ngăn	Số lượng móc	Khoảng cách giữa các móc	Khoảng cách giữa móc trên cùng với móc tủ	Khoảng cách giữa móc dưới cùng với đáy tủ	Khối lượng tổng (kg)
WA810040 / WA810040R / WA810040B	Đỏ, vàng, xanh da trời	4	15	56x43x43	46x35x35	1	1	/	18.7	27.3	35
WA810100	Vàng	10	38	64x59x60	54x51x52	1	3	/	17.2	18.5	48
WA810120 / WA810120R / WA810120W / WA810120G / WA810120B	Đỏ, vàng, trắng, xanh lá cây, xanh da trời	12	45	89x59x46	79x51x38	1	5	7.6	22.5	20.6	56
WA810190	Vàng	19	72	91x76x46	81x67x46	1	5	7.6	21	29	78
WA810220	Vàng	22	83	165x60x46	154x52x38	3	12	7.6	22.5	33	90
WA810300 / WA810300R / WA810300B / WA810300G	Đỏ, vàng, xanh lá cây, xanh da trời	30	114	112x109x46	102x101x38	1	6	7.6	22.5	33.9	102
WA810450 / WA810450R / WA810450B / WA810450W / WA810450G	Đỏ, vàng, trắng, xanh lá cây, xanh da trời	45	170	165x109x46	155x101x38	2	12	7.6	22.5	33	133
WA810540	Vàng	54	204	165x60x87	155x52x79	3	12	7.6	22.5	33	140
WA810550	Vàng	55	207	165x86x86	155x78x78	1	4	7.6	22.5	105.5	179
WA810600 / WA810600R / WA810600B	Đỏ, vàng, xanh da trời	60	227	165x86x86	155x78x78	2	12	7.6	22.5	33	166
WA810860 / WA810860R / WA810860B	Đỏ, vàng, xanh da trời	90	340	165x109x86	155x101x78	2	12	7.6	22.5	33	186
WA811100	Vàng	110	415	165x150x86	155x142x78	1	4	7.6	22.5	105.5	271
WA810115	Vàng	115		165x150x86	155x142x78	2	12	7.6	22.5	33 (trái)	270
						1	4	7.6	22.5	105.5 (phải)	



Hướng dẫn lựa chọn vật liệu thấm hút SYSBEL

Miễn trừ trách nhiệm: Các thông tin sau đây chỉ mang tính hướng dẫn, không bảo đảm độ chính xác tuyệt đối. Tất cả các dữ liệu dựa trên cơ sở nhiệt độ và áp suất môi trường trong điều kiện thông thường đối với hóa chất, không phải đối với hỗn hợp hay hợp chất. Chúng tôi khuyến cáo nên thực hiện một thí nghiệm nhỏ trước khi sử dụng vật liệu thấm hút SYSBEL để kiểm tra tính tương thích hóa học và hiệu lực thấm hút để đảm bảo an toàn sử dụng.

Xử lý rá thải: Vật liệu thấm polypropylene nếu chưa sử dụng có thể coi là rác thải thông thường và đổ bỏ tại bãi chôn rác. Bông chứa chất độc sau khi hút hóa chất hoặc vật liệu độc hại phải được chuyển đúng cách vào túi hoặc xô chứa rác thải hóa chất đi kèm với gói phản ứng sự cố tràn đổ SYSBEL. Các túi này sau đó phải được vận chuyển đến một đơn vị xử lý rác thải chuyên nghiệp theo quy định tại địa phương.

Chất hóa học	Polypropylene chuyên dùng cho dầu	Polypropylene đa dụng/dùng cho vật liệu nguy hại	Chất hóa học	Polypropylene chuyên dùng cho dầu	Polypropylene đa dụng/dùng cho vật liệu nguy hại
Acetaldehyde		*	Glycerol		*
Acetic Acid	*	*	Heptane	*	*
Acetic Anhydride		*	Hexane	*	*
Acetone	*	*	Hydrazine		*
Acetyl Bromide	*	*	Hydrochloric Acid		*
Acetyl Chloride		*	Hydrofluoric Acid		*
Acrolein	*	*	Hydrogen Cyanide	*	*
Acrylonitrile		*	Hydrogen Peroxide		*
Acrylic Acid		*	Cồn Isobutyl	*	*
Nhũ tương Acrylic		*	Isobutyric Acid	*	*
Cồn Allyl		*	Isoprene	*	*
Allyl Chloride	*	*	Isopropyl Acetate	*	*
Aluminum Hydroxide		*	Isopropyl Alcohol	*	*
Aminobenzoic Acid		*	Kerosene	*	*
Ammonia (Anhydrous)	*	*	Keytones	*	*
Ammonium Hydroxide		*	Dầu lạnh	*	*
Amyl Acetate	*	*	Dầu bôi trơn	*	*
Cồn Amyl	*	*	Magnesium Hydroxide		*
Aniline		*	Malathion		*
Nước cường toan (Aqua Regia)		*	Methyl Alcohol	*	*
Arsenic Trichloride		*	Methyl Chloride	*	*
Nhiên liệu hàng không	*	*	Methyl Ether		*
Barium Hydroxide		*	Methyl Ethyl Ketone	*	*
Benzene	*	*	Methyl Methacrylate	*	*
Benzoic Acid		*	Methyl Propionate	*	*
Benzonitrile		*	Mevinphos		*
Benzol Chloride		*	Mineral Oil	*	*
Benzyl Chloride		*	Monoethylamine		*
Cồn Benzyl		*	Monomethylamine		*
Boric Acid		*	Motor Oil	*	*
Dung dịch phanh	*	*	Naphthalene	*	*
Bromine		*	Nitric Acid		*
Butyl Acetate	*	*	Nitrobenzene		*
Cồn Butyl	*	*	Nitrobenzoic Acid		*
Butyl Phthalate		*	Nitrotoluene	*	*
Butyric Acid	*	*	Octane	*	*
Butylamine		*	Oleic Acid	*	*
Butyric Acid	*	*	Olive Oil	*	*
Calcium Hydroxide		*	Paraffin	*	*
Calcium Hypochlorite		*	Parathion		*
Carbolic Acid		*	Perchloroethylene	*	*
Carbon Disulfide		*	Petroleum Ether	*	*
Carbon Tetrachloride	*	*	Phenol		*
Dầu thầu dầu	*	*	Phosphorous Oxichloride		*
Nước Chlorine		*	Phosphorous Trichloride		*
Chloroacetic Acid		*	Phosphoric Acid		*
Chlorobenzene		*	Dung dịch mạ điện phân		*
Chlorane		*	Polychlorinated Biphenyls		*
Chloroform	*	*	Potassium Hydroxide		*
Chromic Acid		*	Propanol		*
Chlorosulfonic Acid		*	Propionic Acid	*	*
Citric Acid		*	Propionic Anhydride		*
Clorox (Chất tẩy hiệu lực tối đa)		*	Cồn Propyl	*	*
Dầu ngô	*	*	Propylene Glycol	*	*
Dầu hạt bông	*	*	Propylene Oxide		*
Cresol	*	*	Pyrethrins		*
Cyclohexane	*	*	Quinoline		*
Detergents		*	Resorcinol		*
Diazinon		*	Dung dịch muối (Kim loại)		*
Dichlorobenzene	*	*	Dầu Silicone	*	*
Dichloropropane		*	Bạc Nitrate		*
Dichloropropene		*	Dung dịch xà phòng (Cô đặc)	*	*
Diethylamine	*	*	Sodium Bicarbonate		*
Diethyl Ether	*	*	Sodium Chloride		*
Disooctyl Phthalate	*	*	Sodium Hydroxide		*
Disulfoton		*	Sodium Hypochlorite		*
Dinitrobenzene	*	*	Sodium Nitrate		*
Dioxan		*	Stannic Chloride		*
Ehtion		*	Tinh bột		*
Epichlorohydrin		*	Styrene	*	*
Ether	*	*	Sucrose		*
Ethyl Acetate	*	*	Sulfur Monochloride		*
Ethyl Alcohol	*	*	Sulfuric Acid		*
Ethyl Benzene	*	*	Dầu motor tổng hợp	*	*
Ethyl Chloride	*	*	Tannic Acid	*	*
Ethyl Ether	*	*	Tetraethyllead	*	*
Ethyl Propionate	*	*	Tetraethylpyrophosphate		*
Ethylene Dibromide	*	*	Toluene	*	*
Ethylene Dichloride	*	*	Dầu máy biển áp		*
Ethylene Glycol		*	Trichloroethylene	*	*
Ethylenediamine		*	Triethylamine		*
Formaldehyde		*	Triethylene Glycol	*	*
Formic Acid		*	Trimethylamine		*
Dầu nhiên liệu	*	*	Turpentine	*	*
Furfural		*	Urine		*
Xăng	*	*	Vinyl Acetate	*	*
Dầu hộp số	*	*	Dấm		*
Acetic Acid băng		*	Vinylidene Chloride		*
			Xylene	*	*

Hướng dẫn sử dụng cho Sản phẩm polyethylene của SYSBEL

Chất hóa học	Nồng độ	Đặc tính
Acetic acid, băng	100°C	ăn mòn mạnh, dễ cháy
Acetic acid, nước	80°C	ăn mòn mạnh, dễ cháy
Acetic acid, nước	70°C	ăn mòn, dễ cháy
Acetic acid, nước	30-60°C	ăn mòn, dễ cháy
Acetic acid, nước	20-30°C	ăn mòn, dễ cháy
Acetic acid, nước	10-20°C	ăn mòn, dễ cháy
Acetic acid, nước	0-10°C	ăn mòn
Acetic acid-acetic acid	90 : 10	ăn mòn, dễ cháy, độc
Acetic anhydride		ăn mòn, dễ cháy
Adipic Acid		ăn mòn, cháy được
Acids, thơm		ăn mòn
Aluminum chloride, anhydrous	bất kỳ	ăn mòn, gây khó chịu
Ammonium sulphide, nước	bất kỳ	ăn mòn, dễ cháy
Aqua regia (HCl+HNO3)		ăn mòn mạnh
Battery fluid, acid		ăn mòn
Benzene sulphonic acid		ăn mòn, gây khó chịu
Bromic acid	cô đặc	ăn mòn, gây khó chịu
Bromine (liquid)		ăn mòn, độc
Butyric acid	bất kỳ	ăn mòn
Carbolic acid		ăn mòn, cháy được
Chloroacetic acid, nước	≤ 85%	ăn mòn, cháy được
Chloric Acid 20% 20%	20 %	acid mạnh, ăn mòn
Nước Chlorine 2%	2%	ăn mòn, gây khó chịu
Nước Chlorine bão hòa	Bão hòa	ăn mòn, gây khó chịu
Chloroform		mùi rất khó chịu, độc
Carbolineum	Theo hàng hóa được cung cấp	ăn mòn
Chlorosulphonic acid		ăn mòn, gây khó chịu
Chromic acid	Loại công nghiệp	ăn mòn
Chlorine, lỏng		độc, ăn mòn, dễ cháy, Gây khó chịu
Citric Acid		ăn mòn, cháy được
Cresylic Acid		độc, ăn mòn
Diglycolic Acid, nước		gây khó chịu
Decahydronaphthalene (Dekalin)		mùi khó chịu, ăn mòn
Ethylenediamine	Loại công nghiệp	mùi khó chịu, ăn mòn, dễ cháy
1,2-Dibromoethane 1,2		độc
Dibutyl ether		gây khó chịu, dễ cháy
Dextrin		
Dextrose		
Dichloromethane		mùi khó chịu, gây khó chịu
Dichloropropene		dễ cháy
Dichloroacetic acid	Loại công nghiệp	ăn mòn, độc
Dichloroacetic acid	50%	ăn mòn, độc
Dichloroacetic acid methyl ester		gây khó chịu, cháy được
Ethylenediamine tetraacetic acid		gây khó chịu, cháy được
Ethyl acetate (acetic acid ethyl ester)		dễ cháy, độc
Fatty acids (>C6)		
Fluoroboric Acid		ăn mòn, gây khó chịu
Fluorosilicic Acid		ăn mòn, độc
Foric Acid		ăn mòn
Formic acid, nước	10%	ăn mòn
Formic acid, nước	25%	ăn mòn
Formic acid, nước	50%	ăn mòn, cháy được
Formic acid, nước	100%	ăn mòn, cháy được
Gallic Acid		gây khó chịu
acetic acid băng (100% acetic acid)		ăn mòn mạnh, dễ cháy
Glycolic Acid	30%	ăn mòn
Glycolic Acid	Đến 70%	ăn mòn
Hydrobromic Acid	20%	ăn mòn, gây khó chịu
HCl (hydrochloric acid)	10%	ăn mòn
HCl (hydrochloric acid)	48%	ăn mòn
HCl (hydrochloric acid)	Bất kỳ	ăn mòn
Hydrofluoric Acid	4%	ăn mòn
Hydrofluoric Acid	10%	ăn mòn
Hydrofluoric Acid	48%	ăn mòn
Hydrofluoric Acid	60%	ăn mòn
Hydrofluorosilicic Acid		ăn mòn
HNO3 (nitric acid)	25%	acid mạnh, ăn mòn
HNO3 (nitric acid)	50%	acid mạnh, ăn mòn
HNO3 (nitric acid)	95%	acid mạnh, ăn mòn
HClO4 (perchloric acid)	20%	acid mạnh, ăn mòn

Chất hóa học	Nồng độ	Đặc tính
HClO4 (perchloric acid)	50%	acid mạnh, ăn mòn
HClO4 (perchloric acid)	70%	acid mạnh, ăn mòn
H2SO4 (sulfuric acid)	up to 50%	acid mạnh, ăn mòn
H2SO4 (sulfuric acid)	70%	acid mạnh, ăn mòn
H2SO4 (sulfuric acid)	80%	acid mạnh, ăn mòn
H2SO4 (sulfuric acid)	98%	acid mạnh, ăn mòn
Hydrogen peroxide, nước	10%	mùi khó chịu, ăn mòn
Hydrogen peroxide, nước	30%	mùi khó chịu, ăn mòn
Hydrogen peroxide, nước	100%	mùi khó chịu, ăn mòn
Hypochlorous acid		ăn mòn, gây khó chịu
Isobutyric acid		ăn mòn, mùi khó chịu, dễ cháy
Lactic acid, nước DL		ăn mòn, gây khó chịu
Maleic Acid, Nước	up to 100%	mùi khó chịu
Malic acid, nước	50%	gây khó chịu, cháy được
Methacrylic acid		dễ cháy, ăn mòn
Methyl Acetate		dễ cháy, gây khó chịu
Nicotine Acid		gây khó chịu
Oleic Acid		gây khó chịu, cháy được
Oleum		ăn mòn
Oxalic Acid		ăn mòn, cháy được
Palmitic acid		gây khó chịu
Perchloric acid	10%	ăn mòn, gây khó chịu
Perchloric acid	70%	ăn mòn, gây khó chịu
Peracetic Acid	40%	ăn mòn, dễ cháy
Phosphoric Acid	0-25%	ăn mòn
Phosphoric Acid	25-50%	ăn mòn
Phosphoric Acid	50-90%	ăn mòn
Picric Acid		dễ cháy, độc
Salicylic Acid		mùi khó chịu
Selenic acid		ăn mòn, độc
Silicic Acid		ăn mòn, gây khó chịu
Silicone fluids		gây khó chịu, cháy được
Stearic acid		gây khó chịu
Sulphurous acid		ăn mòn, cháy được
Succinic acid, nước	50%	ăn mòn, cháy được
Tannic acid		gây khó chịu
Tartaric Acid		gây khó chịu
Thioglycolic acid		rất độc, ăn mòn
Thionyl Chloride		ăn mòn
Titanium(III)chloride solution	Typically 20%	ăn mòn
Tin(II)chloride		ăn mòn, độc
Tin(IV)chloride		ăn mòn, độc
Tributyl Phosphate		mùi khó chịu, độc, dễ cháy
Triethylamine		cực kỳ dễ cháy, ăn mòn, mùi khó chịu
Uric acid		gây khó chịu
Fuming sulphuric acid	trace	ăn mòn mạnh
Sodium hydroxide, nước	any	ăn mòn, bazơ mạnh
KOH (potassium hydroxide)	any	ăn mòn, bazơ mạnh
Ca(OH)2 (calcium hydroxide)	any	ăn mòn, bazơ mạnh

Chú ý: 1) ăn mòn; ăn mòn mạnh; acid mạnh; bazơ mạnh; mùi khó chịu; mùi rất khó chịu; dễ cháy
2) gây khó chịu; độc; cháy được



Ăn mòn
Ăn mòn mạnh
Acid mạnh
Bazơ mạnh



Độc
Mùi khó chịu
Gây khó chịu



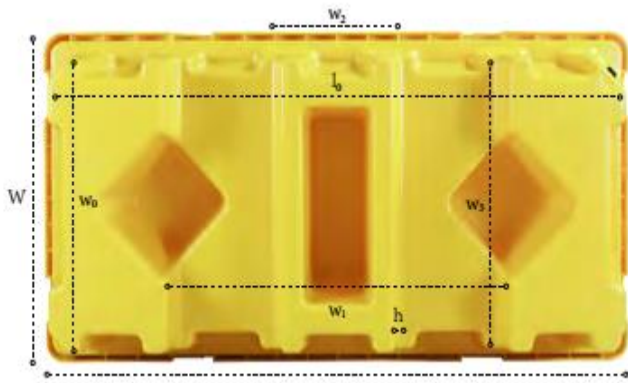
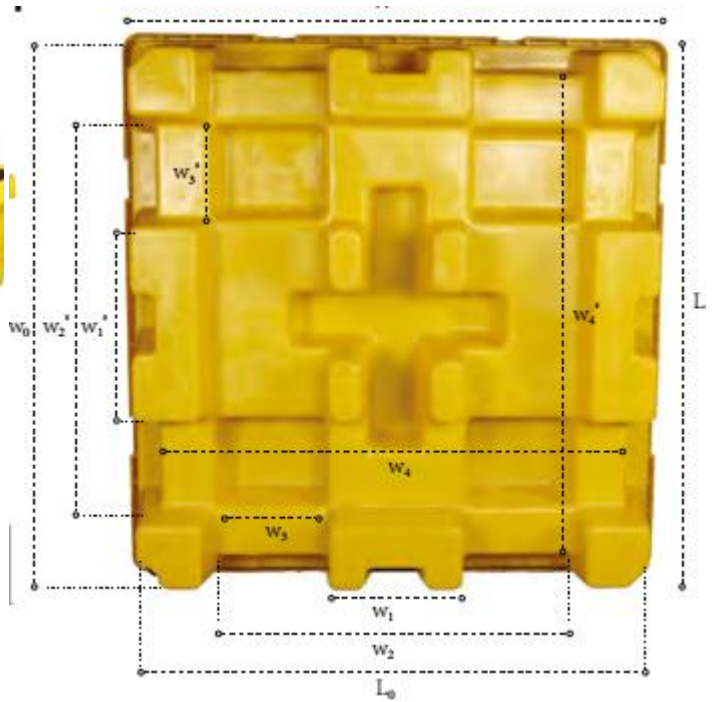
Dễ cháy
Cháy được

Thông tin kỹ thuật cấu trúc của Pallet nhựa chống tràn SYSBEL



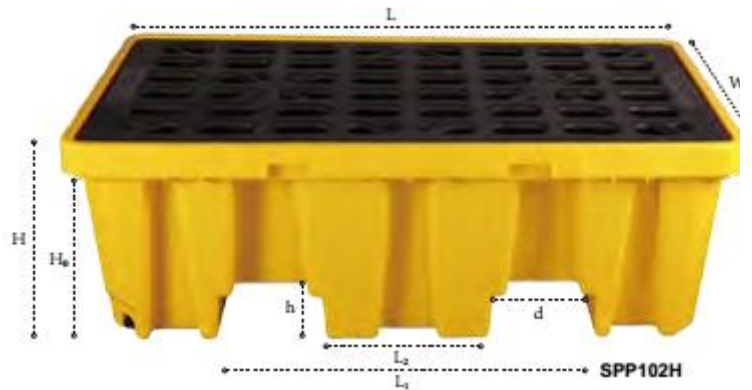
SPP104

SPP104 (cm)														
h	W	H	L	W	W ₁	W ₁ '	W ₂	w ₂ '	W ₃	W ₃ '	W ₄	w ₄ '	L ₀	W ₀
10	21.5	30	130	128	33	45	84	88	25.7	21.5	111	114	120	116



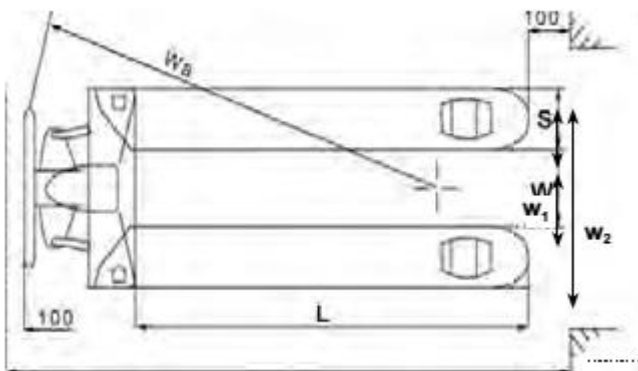
SPP102

SPP102 (cm)							
L	W	w ₁	w ₂	w ₃	h	L ₀	w ₀
130	66	67	25	55	10	116	53



SPP102H

SPP102H (cm)							
H	H ₀	h	L	W	L ₁	L ₂	d
45	37	10	131	67	76.1	34.4	20.5



Ứng dụng xe chở thủy lực: Xe chở thủy lực 2 tấn điều khiển bằng tay (Mẫu có khoảng cách hẹp giữa 2 khe lắp càng nâng)
Trọng tải danh định: 2000 kg

- L :** 1150 mm
- S :** 150 mm
- W1 :** 380 mm
- W2 :** 680 mm



Hướng dẫn sử dụng trạm rửa mắt SYSBEL

Loại bồn rửa mắt	Vật liệu	Tốc độ theo tiêu chuẩn ANSI (L/phút)	Đặc điểm chính	Loại	Môi trường không có nguồn cung nước	Sử dụng cho loại môi trường			
						Xưởng/ Phòng thí nghiệm	Nơi làm việc không lắp được bồn rửa mắt lên tường	Bồn rửa mắt và mặt	Rửa mắt/mặt và toàn thân
Trạm rửa mắt lưu động	Polyethylene	1.5	Chỉ có vòi rửa mắt; thích hợp cho nơi làm việc ngoài trời hoặc không có nguồn cung nước. Không cần phải lắp đặt. Có trang bị xe kéo giúp thuận tiện di chuyển. Có thể được gắn vào tường theo nhu cầu sử dụng khác nhau.	Lưu động	√			√	
Vòi rửa mắt gắn tường (không có bồn)	Thép không gỉ	11.4	Chỉ có vòi rửa mắt; có thể gắn vào tường để tiết kiệm diện tích.	Tĩnh		√		√	
Vòi rửa mắt gắn tường (có bồn)	Thép không gỉ	11.4		Tĩnh		√		√	
Bộ rửa kết hợp (có bồn)	Thép không gỉ	Rửa mắt: 11.4 Tắm: 75.6	Trang bị vòi rửa mắt và hệ thống vòi sen tắm; Bồn rửa mắt sử dụng để rửa hóa chất bắn vào mắt/mặt; vòi sen tắm để rửa hóa chất bắn lên người.	Tĩnh		√	√	√	
Rửa mắt và vòi phun toàn thân	PE, thép, đồng	11.4	Rửa mắt và vòi phun toàn thân: Thích hợp cho nơi có ống nối với bể nước trong nhà, giúp lấy nước dễ dàng và sử dụng linh hoạt.	Tĩnh		√	√	√	√

Lưu ý:

1. SYSBEL cung cấp trạm rửa mắt và bộ rửa kết hợp vòi phun toàn thân, vòi sen tắm và bồn rửa mắt tuân thủ theo tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn Quốc gia Hoa Kỳ/ Hiệp hội Thiết bị An toàn Công nghiệp đối với cung cấp Bồn rửa mắt và thiết bị tắm khẩn cấp ANSI Z358.1-2014

2. Hệ thống rửa mắt gồm có 5 loại: 4 mẫu bồn rửa mắt lưu động, 3 mẫu bồn rửa mắt gắn tường, 2 mẫu bồn rửa mắt gắn trụ, 4 mẫu Bộ rửa kết hợp. 6 mẫu Vòi sen tắm khẩn cấp.

3. Các mẫu bồn rửa mắt:

Bồn rửa mắt lưu động: **WG6000A**, **WG6000B**, **WG6000AC**, **WG6000BC**

Bồn rửa mắt gắn tường: **WG7023**, **WG7023Y**

Bồn rửa mắt gắn trụ: **WG7033F**, **WG7033FY**

Bộ rửa kết hợp: **WG7053F**, **WG7053FY**

Vòi phun toàn thân: **WG7011R**, **WG7012R**

4. Trong môi trường có độ acid cao, nên sử dụng bồn rửa mắt làm bằng thép không gỉ 304 hoặc cao hơn.



Tóm tắt quy định

Tủ đựng an toàn

Vật chứa

Hệ thống Phòng chống, ngăn chặn & Kiểm soát tràn đổ

**OSHA 29 CFR 1910.106****OSHA 29 CFR 1910.106 (a)(19)**

Chất lỏng dễ cháy nghĩa là bất kỳ chất lỏng nào có điểm chớp cháy dưới 199.4 °F (93 °C). Chất lỏng dễ cháy được chia làm bốn loại như sau:

1910.106(a)(19)(i, ii, iii, iv & v)

Loại 1 bao gồm các loại chất lỏng có điểm chớp cháy dưới 73.4 °F (23 °C) và nhiệt độ sôi thấp hơn hoặc bằng 95 °F (35 °C). Loại 2 bao gồm các loại chất lỏng có điểm chớp cháy dưới 73.4 °F (23 °C) và nhiệt độ sôi trên 95 °F (35 °C). Loại 3 bao gồm các loại chất lỏng có điểm chớp cháy từ 73.4 °F (23 °C) trở lên và nhiệt độ sôi thấp hơn hoặc bằng 140 °F (35 °C). Khi một chất lỏng dễ cháy loại 3 có điểm chớp cháy từ 100 °F (37.8 °C) được đun để sử dụng đến trong khoảng 30 °F (16.7 °C) dưới nhiệt độ chớp cháy, chất lỏng đó phải được xử lý theo các yêu cầu đối với chất lỏng dễ cháy loại 3 có điểm chớp cháy dưới 100 °F (37.8 °C). Loại 4 gồm các chất lỏng có điểm chớp cháy từ trên 140 °F (60 °C) đến 199.4 °F (93 °C). Khi một chất lỏng dễ cháy loại 4 được đun nóng để sử dụng đến trong khoảng 30 °F (16.7 °C) dưới nhiệt độ chớp cháy, chất lỏng đó phải được xử lý theo các yêu cầu đối với chất lỏng dễ cháy loại 3 có điểm chớp cháy từ 100 °F (37.8 °C) trở lên. Khi chất lỏng có nhiệt độ chớp cháy trên 199.4 °F (93 °C) được đun nóng đến trong khoảng 30 °F (16.7 °C) dưới nhiệt độ chớp cháy, chất lỏng đó phải được xử lý theo các yêu cầu đối với chất lỏng dễ cháy loại 4.

OSHA 29 CFR 1910.106 (d)(3)

“Thiết kế, lắp ráp và dung tích của tủ đựng”.

1910.106(d)(3)(i)

“Dung tích tối đa”: Không quá 60 gallon đối với chất dễ cháy loại 1, 2 và 3; không quá 120 đối với chất dễ cháy loại 4 dự kiến đựng trong tủ đựng.

1910.106(d)(3)(ii)

“Khả năng chống cháy”. Tủ đựng phải được thiết kế và lắp ráp sao cho có khả năng giới hạn nhiệt độ trong tủ dưới 325 °F trong thử nghiệm cháy 10 phút sử dụng biểu đồ thời gian-nhiệt độ tiêu chuẩn được quy định trong Phương pháp Thử nghiệm Cháy Tiêu chuẩn đối với Công trình xây dựng và vật liệu NFPA 251-1969 được hợp nhất bằng phương pháp tham chiếu với tiêu chuẩn như được quy định trong Mục 1910.6. Tất cả các khớp nối, đường nối phải được duy trì kín và cửa phải duy trì đóng chắc chắn trong quá trình thử nghiệm cháy. Tủ đựng phải được dán nhãn có chữ ghi rõ ràng: “Chất dễ cháy – Cấm lửa.”

1910.106(d)(3)(ii)(a)

Tủ đựng bằng kim loại được lắp ráp quy phương cách như sau sẽ được xem là tuân thủ tiêu chuẩn. Đáy, nóc, cửa và thành của tủ phải làm bằng lá thép ít nhất là cỡ 18 và phải làm 2 lớp cách nhau 1 lớp không khí dày ½ inch. Các mối nối phải được đóng đinh, hàn hoặc làm chặt bằng các biện pháp hiệu quả tương đương. Khóa phải là khóa 3 điểm và phải được lắp cao hơn ít nhất 2 inch so với đáy của tủ.

1910.106(d)(3)(ii)(b)

Tủ gỗ được lắp ráp theo quy cách như sau sẽ được xem là tuân thủ tiêu chuẩn. Đáy, nóc, cửa và thành của tủ phải được làm từ hạng gỗ vẫn tiêu chuẩn với độ dày 1 inch, và không bị gãy hay tách tấm trong điều kiện cháy. Các mối nối phải được xoi rãnh và kẹp chặt từ 2 phía bằng vít bắt gỗ đầu bằng. Khi tủ có nhiều hơn 1 cánh cửa, phải có đoạn chùng có rãnh xiết ít nhất 1 inch. Bản lề phải được lắp sao cho không bị mất đi khả năng giữ khi bị lỏng hoặc cháy dính vít trong quá trình kiểm tra cháy.

OSHA 29 CFR 1910.106 (a)(29)

Cần an toàn tức là một vật chứa có dung tích tối đa 5 gallon có nắp lò xo tự động đóng và nắp đẩy vòi được thiết kế sao cho có khả năng xả áp an toàn trong trường hợp gặp lửa.

OSHA 29 CFR 1910.125(e)(4)(ii&iii)

Giẻ hoặc các loại vật liệu khác bị dính chất lỏng do công tác nhúng hoặc mạ phải được ngay lập tức đưa vào thùng chứa rác thải được phê chuẩn sau khi sử dụng, và các rác thải chứa trong thùng phải được đổ bỏ cuối mỗi ca.

OSHA 29 CFR 1910.144(a)(1)(ii)

Nguy hiểm. Cần an toàn hoặc các loại vật chứa xách tay khác sử dụng cho dung dịch dễ cháy có điểm chớp cháy dưới 80°F, vật chứa chất lỏng dễ cháy dễ bàn (Máy thử cốc mờ), không bao gồm các vật chứa vận chuyển đường biển, phải được sơn đỏ và có các dấu hiệu nhận biết thị giác bổ sung rõ ràng, có thể là một băng màu vàng quanh can hoặc tên của chất chứa bên trong được in hoặc sơn màu vàng lên can. Phải có đèn đỏ ở các rào chắn và các chướng ngại vật tạm thời. Biển báo nguy hiểm phải được sơn đỏ.

NFPA CODE 30 bản năm 2012 QUY ĐỊNH VỀ CHẤT LỎNG DỄ CHÁY VÀ CHÁY ĐƯỢC

9.5. Tủ đựng chất lỏng dễ cháy.

9.5.1. Thể tích chất lỏng Hạng I, Hạng II và Hạng IIIA đựng trong mỗi tủ đựng không được quá 120 gal (460 L)

9.5.2. Tổng thể tích chất lỏng Hạng I, Hạng II và Hạng IIIA đựng trong một nhóm các tủ đựng không được phép vượt quá lượng chất lỏng dễ cháy/cháy được cho phép trên mỗi khu vực kiểm soát tùy thuộc vào nơi đặt các tủ.

9.5.3. Các tủ đựng không bắt buộc phải có hệ thống thông hơi cho mục đích phòng cháy theo quy định này.

9.5.4.1 Trong trường hợp một tủ đựng không có hệ thống thông hơi, lỗ thông hơi sẽ được bít bằng nút được cung cấp kèm với tủ đựng hoặc theo chỉ định của nhà sản xuất tủ đựng.

EPA 40 CFR 264.175

Chứa. (a) Khu vực lưu trữ Vật đựng phải có một hệ thống chứa được thiết kế và vận hành theo đoạn (b) của mục này, trừ khi được quy định theo mục (c) của đoạn này

(b) Một hệ thống chứa phải được thiết kế và vận hành như sau:

(3) Hệ thống chứa phải có đủ dung tích để chứa 10% tổng thể tích của vật đựng hoặc của vật đựng lớn nhất, theo giá trị nào lớn hơn. Các vật chứa không chứa chất lỏng tự do thì không cần áp dụng trong quy định này.

Tuân thủ Phòng chống, Kiểm soát & Đối phó tràn đổ (SPCC)

SPCC là gì và những đối tượng nào được quy định theo quy định này? SPCC là viết tắt của Phòng chống, Kiểm soát & Đối phó tràn đổ. Quy định được phát triển theo thẩm quyền của Đạo luật Kiểm soát Ô nhiễm Nước Liên bang và Đạo luật nước sạch, và được thiết kế để phòng ngừa ô nhiễm dầu xâm nhập vào các nguồn nước tại Hoa Kỳ. Quy định SPCC quy định các yêu cầu đối với các chủ sở hữu và đơn vị vận hành các cơ sở trên đất liền và trên biển phải lập và triển khai kế hoạch Phòng chống, Kiểm soát & Đối phó tràn đổ.

Áp dụng đối với sản phẩm kiểm soát tràn đổ. Quy định SPCC quy định các yêu cầu đối các chủ sở hữu và đơn vị vận hành các cơ sở trên đất liền và trên biển phải minh họa trong kế hoạch SPCC của họ các dự tính về giải pháp chứa thứ cấp đối với vật chứa thể tích từ 55 gallon trở lên. Mỗi giải pháp chứa thứ cấp phải thỏa mãn các yêu cầu sau.

1) Phải đủ khả năng chứa toàn bộ dung tích của vật chứa lớn nhất.

2) Phải có đủ chỗ trống để giữ nước mưa.

Ghi chú:

1) Chỗ trống: Khoảng cách thẳng đứng tới đáy của dòng chảy ở trên.

2) Lượng chỗ trống đầy đủ phải được xác định bởi chủ sở hữu, đơn vị vận hành hoặc kỹ sư của họ theo như trong kế hoạch.

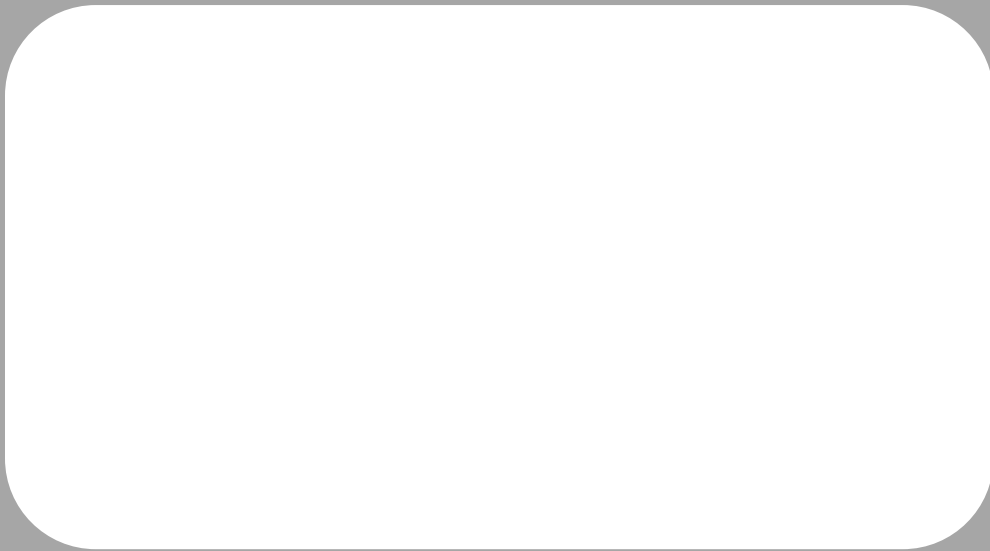
3) Các Pallet được che mưa sẽ không có yêu cầu về chỗ trống chứa mưa. Điều này sẽ được nhắc đến trong “Thực hành thiết kế tốt”

Tiêu chuẩn ANSI Z358.1-2014 bồn rửa mắt khẩn cấp và thiết bị tắm khẩn cấp

(1) Quy định các yêu cầu năng lực và vận hành tối thiểu đối với bồn rửa mắt khẩn cấp và thiết bị tắm khẩn cấp;

(2) Cung cấp hướng dẫn chi tiết về thiết kế sản phẩm, lắp đặt, cấp chứng nhận, bảo trì và huấn luyện

Xin vui lòng liên hệ với nhà phân phối gần nhất



CÓ SYSBEL LÀ CÓ AN TOÀN



Khách hàng chính là cốt lõi cho mọi hoạt động của ***SYSBEL***, là thước đo cho chất lượng dịch vụ và sản phẩm của chúng tôi. ***SYSBEL*** vô cùng coi trọng những phản hồi cũng như trải nghiệm của khách hàng. Sự hài lòng của khách hàng có ý nghĩa sống còn đối với chúng tôi, bởi nếu chúng tôi để khách hàng thất vọng, các công ty khác sẽ chớp được cơ hội.

